

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (Dowaco).
- Địa chỉ trụ sở chính: số 48, Cách Mạng Tháng 8, P. Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: (0251) 3 843 316 Fax: (0251)3 847 149
- Website: www.dowaco.vn
- Mã chứng khoán: DNW
- Người công bố thông tin: **Nguyễn Cao Hà**
- Chức danh: TV.HĐQT, Phó Giám đốc Công ty.
- Loại thông tin công bố:

☒ Định kỳ ☐ 24h ☐ Theo yêu cầu ☐ Khác

Nội dung công bố thông tin như sau:

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (đính kèm tài liệu họp).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 10/3/2026 tại đường dẫn <https://dowaco.vn/quan-he-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.HĐQT

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Cao Hà

**TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**



**TÀI LIỆU
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Tháng 3/2026



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI (DOWACO)

Địa chỉ: Số 48, Cách Mạng Tháng 8, Phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0251 3843316

Fax: 0251 3847149

Email: capnuocdongnai@dowaco.vn

Website: <http://www.dowaco.vn>



DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Tờ trình đề cử nhân sự bầu Ban Kiểm phiếu tại Đại hội.
2. Chương trình Đại hội.
3. Quy chế làm việc tại Đại hội.
4. Báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị; kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025; Phương hướng hoạt động năm 2026.
5. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025; Kế hoạch SXKD năm 2026.
6. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025.
7. Báo cáo của Ban Kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD của Công ty năm 2025.
8. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chi trả cổ tức năm 2025; Kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chi trả cổ tức năm 2026.
9. Tờ trình quyết toán quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025; Ngân sách hoạt động, kế hoạch chi trả tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS chuyên trách, thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2026.
10. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.
11. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
12. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.
13. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
14. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.
15. Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Số: 01 /TTr-HĐQT

Trần Biên, ngày 10 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc đề cử nhân sự bầu Ban Kiểm phiếu
tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai;

Căn cứ Kế hoạch số 19/KH-HĐQT ngày 10/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai đề cử các thành viên có tên sau đây để bầu vào Ban Kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 như sau:

- | | |
|------------------------------|---------------|
| 1/ Bà Nguyễn Thị Minh Phương | - Trưởng ban; |
| 2/ Ông Trần Hoàng Anh Phương | - Thành viên; |
| 3/ Ông Hoàng Đức Thịnh | - Thành viên; |
| 4/ Ông Nguyễn Đăng Thắng | - Thành viên; |
| 5/ Ông Phạm Ngọc Nhân | - Thành viên. |

Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu được quy định theo Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV.HĐQT, BGĐ Công ty;
- TV.BKS Công ty;
- Lưu: VT, VP.HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Thị Hồng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI (DOWACO)

Địa chỉ: 80-48, Cách Mạng Tháng 8, Phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 0251 3843316

Fax: 0251 3847149

Email: capnuocdongnai@dowaco.vn

Website: <http://www.dowaco.vn>

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

| Thời gian | Nội dung chương trình |
|---------------|---|
| 07h30 - 08h30 | <ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp đại biểu và cổ đông.- Kiểm tra tính hợp lệ và điều kiện cổ đông tham dự họp, phát tài liệu Đại hội. |
| 08h30 - 08h45 | <ul style="list-style-type: none">- Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu.- Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp lệ và điều kiện cổ đông tham dự họp.- Chủ tọa chỉ định các cán bộ của Công ty tham gia điều hành hoạt động của Đại hội và Thư ký Đại hội.- Thông qua danh sách nhân sự giới thiệu để bầu Ban Kiểm phiếu- Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.- Thông qua Chương trình Đại hội. |
| 08h45 - 10h15 | <p>* Trình bày các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị; kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025; Phương hướng hoạt động năm 2026;- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025; Kế hoạch SXKD năm 2026;- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025;- Báo cáo của Ban Kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD của Công ty năm 2025;- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chi trả cổ tức năm 2025; Kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chi trả cổ tức năm 2026;- Tờ trình quyết toán quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025; Ngân sách hoạt động, kế hoạch chi trả tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS chuyên trách, thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2026;- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty. |
| 10h15 - 10h30 | <ul style="list-style-type: none">- Cổ đông thảo luận.- Biểu quyết thông qua các nội dung Báo cáo, Tờ trình trình trước Đại hội. |
| 10h30 - 11h00 | Nghỉ giải lao - Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu biểu quyết |
| 11h00 - 11h15 | Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội |
| 11h15 - 11h30 | <ul style="list-style-type: none">- Thư ký đọc Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội;- Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội;- Bế mạc Đại hội. |

Trần Biên, ngày 10 tháng 3 năm 2026

QUY CHẾ LÀM VIỆC
tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (Dowaco) được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Dowaco.

Điều 2. Quy chế quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tham dự:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Dowaco theo danh sách chốt đến ngày 02/3/2026 (ngày đăng ký cuối cùng) hoặc những người được ủy quyền tham dự họp đều có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông của Dowaco.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Bản chính Căn cước công dân/Hộ chiếu;
- Bản chính Phiếu đăng ký/Giấy ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

b) Đăng ký tham dự Đại hội: cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội

xuất trình các giấy tờ trên cho Ban Tổ chức và nhận:

- Một (01) **“Thẻ biểu quyết” màu vàng** có ghi mã cổ đông, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu Công ty. Thẻ này dùng để biểu quyết và thông qua các nội dung theo chương trình Đại hội.

- Một (01) **“Phiếu biểu quyết” màu xanh dương** có ghi mã cổ đông, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu Công ty. Phiếu này dùng để thông qua các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.

c) Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự trong Đại hội;

d) Cổ đông được quyền ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự họp không được ủy quyền cho người thứ ba tham dự Đại hội.

e) Cổ đông hoặc người được ủy quyền khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề người trước đã phát biểu thì không nên phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào giấy để chuyển cho Thư ký.

f) Được tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp.

g) Cổ đông hoặc người được ủy quyền khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

h) Trong thời gian tổ chức Đại hội, các cổ đông phải ăn mặc chỉnh tề, tuân theo sự hướng dẫn của Ban Tổ chức, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa, kết quả biểu quyết của Đại hội.

i) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến trễ sau khi Đại hội đã khai mạc thì sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

k) Không hút thuốc trong Đại hội;

l) Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội, điện thoại di động nên để chế độ im lặng hoặc tắt máy;

m) Trường hợp cổ đông hoặc người được ủy quyền không tuân thủ những quy định quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình Đại hội.

Điều 5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:

a) Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng

cổ đông thông qua. Chỉ định các cán bộ của Công ty tham gia điều hành hoạt động của Đại hội (nếu cần). Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự và thành công tốt đẹp, đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

b) Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình.

c) Trình dự thảo, kết luận về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d) Trả lời hoặc chỉ định người trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

e) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

Điều 6. Ban Kiểm tra tính hợp lệ và điều kiện cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Ban kiểm tra tính hợp lệ và điều kiện cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị Dowaco đề cử và thành lập. Ban Kiểm tra tính hợp lệ và điều kiện cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm: kiểm tra điều kiện tham dự họp của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với danh sách cổ đông hoặc người được ủy quyền có quyền dự họp đã chốt đến ngày 02/3/2026; phát tài liệu Đại hội và Thẻ biểu quyết; báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tính hợp lệ và điều kiện cổ đông tham dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7. Thư ký Đại hội

1. Thư ký Đại hội do Chủ tọa Đại hội cử ra theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa Đại hội, bao gồm:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ các nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;

b) Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội, thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;

c) Tiếp nhận phiếu ý kiến của cổ đông.

Điều 8. Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu của Đại hội do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a) Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội;

b) Tổ chức kiểm phiếu biểu quyết, lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết và thông báo kết quả cho Chủ tọa, Thư ký; công bố kết quả trước Đại hội. Chịu trách nhiệm trước Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình;

c) Xem xét và báo cáo Chủ tọa Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

CHƯƠNG III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 02/3/2026.

Điều 10. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung họp Đại hội đồng cổ đông;

- Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp (không quá 10 phút).

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông: Trên cơ sở các ý kiến phát biểu của cổ đông hoặc người được ủy quyền, Chủ tọa hoặc cán bộ được chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông hoặc người được ủy quyền;

Điều 11. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách: lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

2. Cách thức biểu quyết:

a) Từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đều được xin ý kiến theo trình tự sau:

- + Tán thành với nội dung vừa được đề trình;
- + Không tán thành với nội dung vừa được đề trình;
- + Không có ý kiến với nội dung vừa được đề trình;

b) Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông sẽ thực hiện biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết và đánh dấu vào ô thích hợp trên Thẻ biểu quyết.

c) Cổ đông biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tọa đề biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, cổ đông giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Thành viên Ban kiểm phiếu ghi nhận mã cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến. Phương thức này được dùng để thông qua thành phần Ban kiểm phiếu, thông qua Chương trình, Quy chế làm việc tại Đại hội và các nội dung khác theo diễn biến thực tế tại Đại hội.

d) Cổ đông biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: Đối với từng nội dung, cổ đông lựa chọn 01 trong 03 phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong phiếu biểu quyết. Sau khi hoàn tất các nội dung cần biểu quyết của Đại hội, cổ đông ký tên, ghi đầy đủ họ và tên, sau đó gửi phiếu biểu quyết cho Ban Kiểm phiếu.

3. Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết:

- Phiếu biểu quyết hợp lệ:

+ Là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban Tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, phải có chữ ký và họ tên đầy đủ được viết tay của cổ đông tham dự.

+ Trên Phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi cổ đông đánh dấu chọn 01 trong 03 ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ: là phiếu biểu quyết có ghi thêm các nội dung khác, phiếu không theo mẫu in sẵn do Ban Tổ chức phát ra, không có đóng dấu của Công ty, hoặc phiếu có tẩy xóa, cạo sửa, không có chữ ký và họ tên đầy đủ của cổ đông. Khi đó, tất cả các nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4. Thẻ lệ biểu quyết:

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một phiếu biểu quyết. Mỗi cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự đại diện cho một hoặc nhiều phiếu biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) tờ Phiếu biểu quyết và một (01) Thẻ biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 02/3/2026) tổng số cổ phần của Công ty là: **120.000.000** cổ phần tương đương với **120.000.000** phiếu biểu quyết.

5. Ghi nhận kết quả biểu quyết:

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận và trả kết quả kiểm phiếu biểu quyết.

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

6. Tỷ lệ tối thiểu cần đạt được khi biểu quyết:

- Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

- Đối với các vấn đề còn lại, phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Điều 12: Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội lưu giữ tại Dowaco.

Điều 13: Xử lý trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không thành

Trường hợp không có đủ điều kiện tiến hành Đại hội theo quy định, Đại hội phải được triệu tập lại theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14: Quy chế này gồm 4 Chương và 14 Điều do Hội đồng quản trị Dowaco ban hành tuân thủ các quy định pháp luật.

Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Dowaco sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành là trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội.

Các cổ đông, thành viên Ban Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Dowaco chịu trách nhiệm thi hành./. *th*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *th*

CHỦ TỊCH



Phạm Thị Hồng

BÁO CÁO
của Hội đồng quản trị về quản trị; kết quả hoạt động của
Hội đồng quản trị năm 2025; Phương hướng hoạt động năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai;
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (HĐQT) báo cáo Đại hội đồng cổ đông về quản trị; kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025; Phương hướng hoạt động năm 2026 với những nội dung như sau:

I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ; KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

1. Thông tin về thành viên HĐQT

HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2025-2030 có 07 thành viên, gồm:

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là TV.HĐQT/ HĐQT độc lập | |
|-----|------------------|--|--|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Đặng Văn Chắt | Chủ tịch HĐQT | 17/4/2020 | 28/02/2025 |
| 2 | Phạm Thị Hồng | Chủ tịch HĐQT | 28/02/2025 | |
| 3 | Trần Văn Nguyên | Thành viên HĐQT; Giám đốc Công ty | 28/02/2025 | |
| 4 | Nguyễn Cao Hà | Thành viên HĐQT; Phó Giám đốc Công ty | 28/02/2025 | |
| 5 | Nguyễn Văn Thiện | TV.HĐQT không điều hành | 28/02/2025 | |
| 6 | Phạm Anh Tuấn | TV.HĐQT không điều hành | 28/02/2025 | |
| 7 | Võ Văn Bình | TV.HĐQT không điều hành | 28/02/2025 | |
| 8 | Nguyễn Công Hiếu | TV.HĐQT không điều hành | 28/02/2025 | |

2. Các cuộc họp HĐQT:

2.1. Về các cuộc họp và lấy ý kiến của HĐQT:

Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm, giữa 02 nhiệm kỳ trong năm 2025 HĐQT đã tổ chức 08 kỳ họp và thực hiện 17 phiếu lấy ý kiến các TV.HĐQT để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền theo quy định.

2.2. Về tỷ lệ tham gia các cuộc họp:

| Stt | Thành viên HĐQT | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----------|------------------------------|---------------------|-------------------|---|
| I | Nhiệm kỳ 2020 - 2025: | | | |
| 1 | Đặng Văn Chắt | 02/02 | 100% | |
| 2 | Nguyễn Văn Thiện | 02/02 | 100% | |
| 3 | Phạm Thị Hồng | 02/02 | 100% | |
| 4 | Nguyễn Cao Hà | 02/02 | 100% | |
| 5 | Phạm Anh Tuấn | 02/02 | 100% | |
| 6 | Võ Văn Bình | 02/02 | 100% | |
| 7 | Nguyễn Công Hiếu | 02/02 | 100% | |
| II | Nhiệm kỳ 2025 - 2030: | | | |
| 1 | Phạm Thị Hồng | 06/06 | 100% | |
| 2 | Trần Văn Nguyên | 06/06 | 100% | |
| 3 | Nguyễn Cao Hà | 05/06 | 83,3% | <i>Nghỉ phép - Ủy quyền cho Ông Trần Văn Nguyên - TV.HĐQT tham dự họp và biểu quyết và đã được HĐQT chấp thuận</i> |
| 4 | Phạm Anh Tuấn | 05/06 | 83,3% | <i>Đi công tác</i> |
| 5 | Nguyễn Công Hiếu | 06/06 | 100% | |
| 6 | Nguyễn Văn Thiện | 05/06 | 83,3% | <i>Đi công tác - Ủy quyền cho Ông Trần Chiến Công - Tổng Giám đốc Bivase tham dự họp và biểu quyết và đã được HĐQT chấp thuận</i> |
| 7 | Võ Văn Bình | 06/06 | 100% | |

3. Hoạt động của HĐQT trong năm 2025:

- Về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

Ngày 05/9/2025, HĐQT đã triển khai thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2025; Kế hoạch chi trả tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS chuyên trách; Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách.

Qua kết quả kiểm phiếu, ĐHĐCĐ đã không thông qua việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; Kế hoạch chi trả tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS chuyên trách; Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2025 của Công ty.

- Về công tác tổ chức, cán bộ:

Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, ĐHĐCĐ đã bầu ra HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2025-2030 gồm 07 thành viên. HĐQT Công ty đã bầu ra chức danh Chủ tịch HĐQT và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với chức danh trong Ban điều hành nhiệm kỳ 2025-2030. Ngày 26/3/2025, HĐQT đã bổ nhiệm Ông Lê Thành Trung giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/4/2025.

Trong phạm vi thẩm quyền, HĐQT đã ban hành Quy định công tác Quy hoạch cán bộ và phê duyệt Kế hoạch luân chuyển, điều động cán bộ, quản lý năm 2025 của Công ty; phê duyệt danh sách nhân sự bổ sung quy hoạch cán bộ Lãnh đạo Công ty giai đoạn 2025-2030.

Trong năm, HĐQT đã thông qua chủ trương về việc điều động, bổ nhiệm, giới thiệu nhân sự bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của Công ty, theo đó Giám đốc Công ty đã ban hành các Quyết định liên quan đến công tác cán bộ theo đúng thẩm quyền, quy định.

HĐQT đã lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiện toàn Nhóm đại diện phần vốn của Công ty tại Giwaco, theo đó HĐQT đã thôi cử Ông Vũ Anh Tuấn làm người đại diện phần vốn của Công ty tại Giwaco kể từ ngày 09/9/2025.

Chủ tịch đã ký ban hành Quyết định về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với Bà Nguyễn Thu Oanh - Kế toán trưởng Công ty, đồng thời HĐQT đã ban hành Quyết định về việc bổ nhiệm Bà Nguyễn Bách Thảo giữ chức vụ Phụ trách kế toán Công ty (thay Bà Nguyễn Thu Oanh), thời hạn bổ nhiệm là 06 tháng kể từ ngày 01/10/2025.

Trong Quý 4/2025, thực hiện Nghị quyết của HĐQT Công ty liên quan đến chủ trương sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy và chủ trương về công tác cán bộ, theo đó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty đã ban hành các Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026 theo thẩm quyền:

- Chủ tịch HĐQT đã ban hành các Quyết định liên quan đến việc thành lập Văn phòng HĐQT; sáp nhập CNCN Nhơn Trạch vào CNCN Thiện Tân đồng thời chấm dứt hoạt động của CNCN Nhơn Trạch; sáp nhập CNCN Vĩnh An vào CNCN Long Bình đồng thời chấm dứt hoạt động của CNCN Vĩnh An; bổ nhiệm Bà Nguyễn Thu Trang - Phó phòng/Phụ trách Phòng Kinh doanh giữ chức vụ Chánh Văn phòng HĐQT, Ông Nguyễn Đức Định - Phó phòng QTTH giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng HĐQT.

- Giám đốc cũng đã ban hành các Quyết định thôi giữ chức vụ Giám đốc CNCN Thiện Tân đối với Ông Nguyễn Văn Nguyên; bổ nhiệm Ông Đặng Văn Chất - Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc CNCN Thiện Tân và Ông Lê Đức Thuận giữ chức vụ Giám đốc CNCN Long Bình (sau sáp nhập); điều động và bổ nhiệm Ông Nguyễn Cao Cường - Giám đốc CNQL Ghi thu giữ chức vụ Trưởng phòng QLCL nước, điều động và bổ nhiệm Ông Vũ Anh Tuấn - Giám đốc CNCN

Thanh Phú giữ chức vụ Giám đốc CNQL Ghi thu; giao Ông Lê Thành Trung - Phó Giám đốc Công ty phụ trách Phòng Kinh doanh, giao Ông Trần Văn Thanh - Phó Giám đốc CNCN Thanh Phú phụ trách CNCN Thanh Phú, đồng thời rà soát bổ nhiệm đối với các chức danh cán bộ quản lý tại các đơn vị sau sắp xếp, kiện toàn đảm bảo theo quy định và tạo sự đồng thuận cao.

- Một số công tác khác:

Giao kế hoạch 2025 cho Nhóm đại diện vốn tại các Công ty con, Công ty liên kết.

Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty và các Công ty thành viên đảm bảo theo đúng kế hoạch.

Thực hiện các nội dung liên quan đến công tác bàn giao giữa Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm kỳ 2025-2030.

Ban hành Bản phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030.

HĐQT lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành các nội dung liên quan đến thực hiện quyền mua số cổ phần phát hành thêm để tăng vốn điều lệ năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân (Giwaco) do Công ty sở hữu, theo đó Công ty không thực hiện việc đầu tư mua và không chào bán quyền mua số cổ phần phát hành thêm để tăng vốn điều lệ trong năm 2025 của Giwaco.

Thực hiện các nội dung liên quan đến Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2025 và công bố thông tin theo đúng quy định.

Thực hiện các thủ tục để chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra.

Chỉ đạo xây dựng và rà soát kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty và các Công ty thành viên.

Lãnh đạo, chỉ đạo các nội dung liên quan đến công tác sắp xếp, kiện toàn tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty.

Nhìn chung, trong năm 2025 HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế hoạt động của HĐQT. Đảm bảo duy trì thực hiện tốt mối quan hệ giữa HĐQT, Đảng ủy bộ phận và Ban Giám đốc Công ty, đã kịp thời báo cáo Đảng ủy bộ phận về tình hình thực hiện các mặt công tác, công tác cán bộ, những chủ trương quan trọng của Công ty.

4. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT trong năm 2025:

Trên cơ sở các Biên bản họp và kết quả Phiếu lấy ý kiến các Thành viên HĐQT, HĐQT đã ban hành 18 Nghị quyết và 57 Quyết định để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (đính kèm Bảng Phụ lục 1).

5. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành:

HĐQT đã thường xuyên theo dõi, giám sát và giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành, đồng thời đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ, cơ cấu tổ chức... của Công ty.

Tại các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới báo cáo HĐQT Công ty đánh giá, xem xét có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

HĐQT giám sát việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Giám sát việc báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đảm bảo theo đúng quy định.

6. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành trong năm 2025:

Trong năm 2025, HĐQT đã lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và tập trung nỗ lực thực hiện các giải pháp trong quản lý, điều hành, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 đạt được như sau:

Về sản lượng nước sản xuất đạt 98% so kế hoạch, ghi thu đạt 96,9% so kế hoạch; doanh thu đạt 98,7% so kế hoạch, lợi nhuận trước thuế không bao gồm lãi/lỗ CLTG đạt 107,4% so kế hoạch, lợi nhuận sau thuế không bao gồm lãi/lỗ CLTG đạt 107,6% so kế hoạch; nộp ngân sách Nhà nước đạt 101,9% so kế hoạch; tỷ lệ thất thoát tăng 1% so kế hoạch (giảm 0,1% so với cùng kỳ); chỉ tiêu phát triển khách hàng đạt 91% so kế hoạch (tăng 18.984 khách hàng); chỉ tiêu về đầu tư xây dựng cơ bản đạt 40,8% so với kế hoạch.

Nhìn chung, năm 2025 kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty cơ bản bám sát theo kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, do một số yếu tố tác động nên làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu về Sản lượng, Doanh thu, Đầu tư XDCB và Tỷ lệ thất thoát còn cao.

7. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT (nếu có):

HĐQT Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc. Các thành viên thực hiện chức trách nhiệm vụ theo các nội dung tại bảng phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT.

Trong năm 2025, HĐQT Công ty đã ban hành Quyết định về việc thành lập Văn phòng HĐQT trực thuộc HĐQT Công ty có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026 để tham mưu, giúp việc, trợ lý cho các hoạt động của HĐQT.

8. Báo cáo về tiền lương, thưởng, thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty năm 2025:

a) Về tiền lương, thưởng, thù lao của HĐQT, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty (theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán) như sau:

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Lương | Thù lao | Thưởng | Tổng cộng |
|-----------|------------------|--|---------------|---------------|-------------|-----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | (7)=(4)+(5)+(6) |
| 1 | Phạm Thị Hồng | CT. HĐQT (Bổ nhiệm kể từ ngày 28/02/2025); Giám đốc (Miễn nhiệm kể từ ngày 28/02/2025) | 1.440.318.200 | 216.000.000 | 180.000.000 | 1.836.318.200 |
| 2 | Trần Văn Nguyên | TV.HĐQT (kể từ ngày 28/02/2025); Giám đốc (Bổ nhiệm kể từ ngày 01/3/2025) | 1.189.725.000 | 80.000.000 | 100.000.000 | 1.369.725.000 |
| 3 | Đặng Văn Chắt | CT. HĐQT (Miễn nhiệm kể từ ngày 28/02/2025); Phó Giám đốc (Bổ nhiệm lại kể từ ngày 01/3/2025) | 1.168.710.000 | 216.000.000 | 180.000.000 | 1.564.710.000 |
| 4 | Nguyễn Cao Hà | TV.HĐQT (kể từ ngày 28/02/2025); Phó Giám đốc (Bổ nhiệm lại kể từ ngày 01/3/2025) | 1.165.990.000 | 296.000.000 | 180.000.000 | 1.641.990.000 |
| 5 | Nguyễn Văn Thiện | TV.HĐQT (kể từ ngày 28/02/2025) | - | 256.000.000 | - | 256.000.000 |
| 6 | Võ Văn Bình | TV.HĐQT (kể từ ngày 28/02/2025) | - | 256.000.000 | - | 256.000.000 |
| 7 | Phạm Anh Tuấn | TV.HĐQT (kể từ ngày 28/02/2025) | - | 256.000.000 | - | 256.000.000 |
| 8 | Nguyễn Công Hiếu | TV.HĐQT (kể từ ngày 28/02/2025) | - | 256.000.000 | - | 256.000.000 |
| 9 | Lê Thành Trung | Phó Giám đốc (Bổ nhiệm kể từ ngày 01/4/2025) | 627.317.000 | - | - | 627.317.000 |
| 10 | Nguyễn Thu Oanh | Kế toán trưởng (Miễn nhiệm kể từ ngày 26/9/2025) | 795.828.000 | - | 159.000.000 | 954.828.000 |
| 11 | Nguyễn Bách Thảo | Phụ trách kế toán (Bổ nhiệm kể từ ngày 26/9/2025) | 99.369.818 | - | - | 99.369.818 |
| Tổng cộng | | | 6.487.258.018 | 1.832.000.000 | 799.000.000 | 9.118.258.018 |

b) Về ngân sách, chi phí hoạt động của HĐQT:

- Ngân sách hoạt động của HĐQT đã được ĐHĐCĐ 2025 thông qua là 568 triệu đồng (*không bao gồm chi phí tiền lương, thù lao*).

- Các chi phí hoạt động khác của HĐQT trong năm là 135,3 triệu đồng.

9. Tình hình cổ đông của Công ty:

Theo danh sách cổ đông của Công ty chốt đến ngày 02/3/2026 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp, Công ty có tổng số 694 cổ đông, trong đó:

| Stt | Đối tượng | Số cổ phần sở hữu | Giá trị (đồng) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông |
|------------------|---|--------------------|--------------------------|------------------|------------------|
| 1 | Cổ đông lớn | 114.043.519 | 1.140.435.190.000 | 95,036 | 3 |
| 1 | Tổng Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp (Sonadezi) | 76.786.920 | 767.869.200.000 | 63,989 | |
| 2 | Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương | 22.781.200 | 227.812.000.000 | 18,984 | |
| 3 | Công ty CP Nước Thủ Dầu Một | 14.475.399 | 144.753.990.000 | 12,063 | |
| 1 | Cổ đông trong nước | 5.900.044 | 59.000.440.000 | 4,917 | 682 |
| 1.1 | Tổ chức | 568.020 | 5.680.200.000 | 0,473 | 2 |
| 1.2 | Cá nhân | 5.332.024 | 53.320.240.000 | 4,443 | 680 |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 56.437 | 564.370.000 | 0,047 | 9 |
| 2.1 | Tổ chức | 4.737 | 47.370.000 | 0,004 | 3 |
| 2.2 | Cá nhân | 51.700 | 517.000.000 | 0,043 | 6 |
| Tổng cộng | | 120.000.000 | 1.200.000.000.000 | 100 | 694 |

10. Báo cáo về các giao dịch

a) Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: (đính kèm Phụ lục 2)

b) Giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó: Không có.

c) Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): (đính kèm Phụ lục 3)

d) Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành: Không có.

đ) Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người quản lý khác: Không có.

e) Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty: (đính kèm Phụ lục 4)

B. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2026

HĐQT tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát Ban điều hành nỗ lực phấn đấu thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao năm 2026 với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026:

- Doanh thu: 1.182.600.000.000 đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 310.700.000.000 đồng;
- Lợi nhuận sau thuế: 279.630.000.000 đồng;
- Phải nộp ngân sách Nhà nước: 120.000.000.000 đồng;
- Đầu tư Xây dựng cơ bản: 428.000.000.000 đồng.

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm:

HĐQT tiếp tục thực hiện các chức năng, nhiệm vụ trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT. Giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung Nghị quyết của HĐQT Công ty.

Trong năm 2026, HĐQT tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường công tác số hóa, ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, sản xuất...; công tác sắp xếp, kiện toàn tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành; công tác tổ chức cán bộ nhằm tăng cường chức năng tham mưu, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

Lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát Ban điều hành trong việc nâng cao năng lực quản lý, điều hành, tăng cường phân công, phân cấp, kiểm tra, giám sát cấp dưới trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Tập trung tháo gỡ các khó khăn để triển khai thực hiện các dự án đầu tư đảm bảo theo kế hoạch; tăng cường phát triển khách hàng; thực hiện nhanh, hiệu quả việc chuyển đổi số trong SXKD; duy trì công tác mở rộng mạng lưới cấp nước, phát triển khách hàng, tăng cường các giải pháp giảm tỷ lệ thất thoát nước; theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị sau sắp xếp kiện toàn....

Chú trọng việc tuân thủ các quy định pháp lý và các văn bản mới cập nhật liên quan đến hoạt động SXKD, công tác quản trị Công ty.

Rà soát các quy định, quy chế thuộc thẩm quyền của HĐQT; Xem xét các tài liệu báo cáo của nhóm người đại diện vốn Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết về hồ sơ hợp ĐHCĐ thường niên năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- HNX;
- HĐQT Công ty;
- BKS Công ty;
- Lưu: VT, VPHĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Thị Hồng

PHỤ LỤC 1**Các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT Công ty năm 2025**

(đính kèm Báo cáo số.../BC-HĐQT ngày.../3/2026 của HĐQT Công ty)

| Stt | Số NQ/QĐ | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua | Ghi chú |
|--|----------|------------|------------|-----------------|---------|
| 1. Các Nghị quyết | | | | | |
| a) Nhiệm kỳ 2020-2025 | | | | | |
| 1 | 1 | 01/NQ-HĐQT | 16/01/2025 | 100% | |
| <p>Nghị quyết kỳ họp lần thứ 35 của HĐQT Công ty thông qua các nội dung:</p> <p>1. Thông qua kết quả hoạt động của HĐQT Quý 4 và năm 2024; kế hoạch hoạt động năm 2025 và Quý 01/2025 của HĐQT Công ty.</p> <p>2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD Quý 4 và năm 2024; Phương hướng, nhiệm vụ SXKD năm 2025 của Ban điều hành.</p> | | | | | |
| 2 | 2 | 02/NQ-HĐQT | 07/02/2025 | 100% | |
| <p>Nghị quyết kỳ họp lần thứ 36 của HĐQT Công ty thông qua các nội dung:</p> <p>1. Thống nhất thông qua việc chi Quỹ thù lao của Người quản lý năm 2024.</p> <p>2. Thông qua các nội dung chương trình và hồ sơ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty.</p> <p>3. Thông qua việc quyết toán quỹ tiền lương của người quản lý và quỹ tiền lương của người lao động Công ty năm 2024; Kế hoạch quỹ tiền lương của người quản lý và quỹ tiền lương của người lao động Công ty năm 2025.</p> <p>4. Về việc quyết toán Quỹ tiền lương thù lao của HĐQT, BKS năm 2024; Ngân sách hoạt động, kế hoạch chi trả tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS chuyên trách, thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2025.</p> | | | | | |
| b) Nhiệm kỳ 2025-2030 | | | | | |
| 3 | 1 | 01/NQ-HĐQT | 28/02/2025 | 100% | |
| <p>Nghị quyết kỳ họp thứ 1 - V/v bầu chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2025-2030 đối với Bà Phạm Thị Hồng</p> | | | | | |
| 4 | 2 | 02/NQ-HĐQT | 28/02/2025 | 100% | |
| <p>Nghị quyết kỳ họp thứ 2 thông qua nội dung:</p> <p>- Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu nhân sự để bổ nhiệm các chức danh trong Ban điều hành, Người Phụ trách quản trị Công ty nhiệm kỳ 2025-2030.</p> | | | | | |

| Stt | Số NQ/QĐ | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua | Ghi chú |
|-----|----------|------------|---|-----------------|--|
| 5 | 3 | 03/NQ-HĐQT | 22/04/2025 | | Nội dung số 3 đạt 71,4% (5/7 tán thành; 2/7 không ý kiến); các nội dung còn lại đạt 100% |
| | | | <p>Nghị quyết kỳ họp lần thứ 04 của HĐQT Công ty thông qua các nội dung:</p> <p>1. Thông qua kết quả hoạt động của HĐQT Công ty trong Quý 1/2025; kế hoạch hoạt động trong Quý 2/2025 của HĐQT Công ty.</p> <p>2. Thông qua kết quả hoạt động SXKD của Công ty Quý 1/2025; phương hướng nhiệm vụ Quý 2/2025 của Ban điều hành.</p> <p>3. Thông qua việc ban hành Quy định về công tác quy hoạch cán bộ của Công ty.</p> <p>4. Thống nhất thông qua chủ trương về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của Công ty.</p> <p>5. Thông qua chủ trương về việc giới thiệu nhân sự đề điều động và bổ nhiệm, giao phụ trách đơn vị, bổ nhiệm cán bộ quản lý của Công ty.</p> <p>6. Phê duyệt BCNCKT ĐTXD Dự án xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom.</p> <p>7. Thông qua việc ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT phê duyệt các chủ trương liên quan đến công tác cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc Công ty.</p> <p>8. Thông qua việc đăng ký tham gia mua cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi.</p> <p>9. Thông qua bảng phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030.</p> | | |
| 6 | 4 | 04/NQ-HĐQT | 29/04/2025 | 100% | |
| | | | Nghị quyết về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam | | |
| 7 | 5 | 05/NQ-HĐQT | 19/05/2025 | 100% | |
| | | | Nghị quyết về việc chi trả cổ tức năm 2025 | | |
| 8 | 6 | 06/NQ-HĐQT | 27/05/2025 | 100% | |
| | | | Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương thực hiện giao dịch với bên có liên quan. | | |
| 9 | 7 | 07/NQ-HĐQT | 26/06/2025 | 100% | |
| | | | Về việc tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân năm 2025. | | |
| 10 | 8 | 08/NQ-HĐQT | 31/07/2025 | 100% | |
| | | | <p>Nghị quyết kỳ họp lần thứ 05 của HĐQT Công ty thông qua các nội dung:</p> <p>1. Thông qua kết quả hoạt động của HĐQT Công ty 6 tháng đầu năm 2025; Kế hoạch hoạt động Quý 3 và 6 tháng cuối năm 2025;</p> <p>2. Thông qua kết quả hoạt động SXKD của Công ty 6 tháng đầu năm 2025; Phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025;</p> <p>3. Thông qua nội dung điều chỉnh Kế hoạch SXKD và Kế hoạch quỹ tiền lương năm 2025; Sắp xếp, kiện toàn bộ máy cơ cấu tổ chức;</p> <p>4. Thông qua nội dung hoàn trả NSNN giá trị hạng mục tuyến ống phân phối 2xOD110 dự án Nâng cấp mở rộng đường Đặng Văn Tron.</p> | | |

| Stt | | Số NQ/QĐ | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua | Ghi chú |
|------------------------------|----|------------|------------|---|-----------------|--|
| 11 | 9 | 09/NQ-HĐQT | 31/07/2025 | Về việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản | 85,71% | 06/07 phiếu biểu quyết tán thành; 01 phiếu không có ý kiến |
| 12 | 10 | 11/NQ-HĐQT | 05/09/2025 | Về việc thông qua hồ sơ để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản | 100% | |
| 13 | 11 | 12/NQ-HĐQT | 29/09/2025 | Về việc giới thiệu nhân sự để bổ nhiệm chức danh Phụ trách Kế toán Công ty | 100% | |
| 14 | 12 | 13/NQ-HĐQT | 01/10/2025 | Về việc bổ nhiệm Phụ trách Kế toán Công ty và chấp thuận chủ trương giao Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán Công ty | 100% | |
| 15 | 13 | 14/NQ-HĐQT | 30/10/2025 | Nghị quyết kỳ họp lần thứ 06 của HĐQT Công ty thông qua các nội dung: 1. Thông qua kết quả hoạt động của HĐQT Công ty Quý 3/2025; Kế hoạch hoạt động Quý 4/2025; 2. Thông qua kết quả hoạt động SXKD của Công ty 9 tháng đầu năm 2025; Phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2025; 3. Chấp thuận việc bổ sung Kế hoạch Đầu tư XDCB năm 2025 để thực hiện các dự án/công trình theo nội dung Tờ trình của Ban điều hành. | 100% | |
| 16 | 14 | 15/NQ-HĐQT | 10/11/2025 | Chấp thuận chủ trương thực hiện giao dịch với bên có liên quan - Công ty CP sonadezi Long Bình | 100% | |
| 17 | 15 | 16/NQ-HĐQT | 23/12/2025 | Chấp thuận chủ trương thực hiện ký kết hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan - Tổng Công ty Sonadezi và Công ty CP Sonadezi Bình Thuận. | 100% | - Về việc ký kết hợp đồng, giao dịch với Tổng Công ty Sonadezi (SNZ): 04/04 phiếu, (Bà Phạm Thị Hồng - CT.HĐQT, Ông Trần Văn Nguyên - TV.HĐQT và Ông Nguyễn Cao Hà - TV.HĐQT là người có lợi ích liên quan nên không thực hiện biểu quyết). - Về việc ký kết hợp đồng, giao dịch với Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận (SZT): 05/05 phiếu, đạt 100% (Ông Phạm Anh Tuấn - TV.HĐQT và Ông Nguyễn Công Hiếu - TV.HĐQT là người có lợi ích liên quan nên không thực hiện biểu quyết). |
| 2. Các Quyết định | | | | | | |
| a) Nhiệm kỳ 2020-2025 | | | | | | |
| 1 | 1 | 01/QĐ-HĐQT | 08/01/2025 | Phê duyệt BCNCKT ĐTXD dự án lắp đặt tuyến ống truyền tải, phân phối 02 bên đường ĐT765 từ Quốc lộ 1A đến Nhà thờ tin lành Lang Minh, huyện Xuân Lộc, Đồng Nai | 71,4% | (5/7 TV.HĐQT): 02 không có ý kiến |
| 2 | 2 | 02/QĐ-HĐQT | 10/01/2025 | Về việc chi tiền lương bổ sung quý IV cho Người quản lý chuyên trách. | - | |
| 3 | 3 | 03/QĐ-HĐQT | 10/01/2025 | Về việc chi tiền lương bổ sung năm cho Người quản lý chuyên trách. | - | |
| 4 | 4 | 04/QĐ-HĐQT | 20/01/2025 | Về việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ và danh hiệu thi đua đối với cá nhân, tập thể thuộc các Công ty thành viên năm 2024 | - | |

| Stt | | Số NQ/QĐ | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua | Ghi chú |
|------------------------------|----|------------|------------|--|-----------------|------------------------------------|
| 5 | 5 | 05/QĐ-HĐQT | 21/01/2025 | Chi tiền thưởng theo kết quả công việc năm 2024 cho Người quản lý | - | |
| 6 | 6 | 06/QĐ-HĐQT | 23/01/2025 | Về việc chi tiền lương bổ sung năm cho Người quản lý điều hành | - | |
| 7 | 7 | 07/QĐ-HĐQT | 23/01/2025 | Về việc giao nhiệm vụ năm 2025 cho Nhóm đại diện vốn tại Công ty CPCN Nhơn Trạch | - | |
| 8 | 8 | 08/QĐ-HĐQT | 23/01/2025 | Về việc giao nhiệm vụ năm 2025 cho Nhóm đại diện vốn tại Công ty CPCN Long Khánh | - | |
| 9 | 9 | 09/QĐ-HĐQT | 23/01/2025 | Về việc giao nhiệm vụ năm 2025 cho Nhóm đại diện vốn tại Công ty CP Dịch vụ và XDCN Đồng Nai | - | |
| 10 | 10 | 10/QĐ-HĐQT | 13/02/2025 | Về việc thành lập Ban tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 | - | |
| 11 | 11 | 11/QĐ-HĐQT | 13/02/2025 | Về việc thành lập Ban kiểm tra tính hợp lệ và điều kiện cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 | - | |
| 12 | 12 | 12/QĐ-HĐQT | 19/02/2025 | Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán xây dựng công trình và thẩm tra bản vẽ thi công - Dự toán xây dựng công trình dự án lắp đặt tuyến ống truyền tải, phân phối 02 bên đường ĐT765 từ Quốc lộ 1A đến Nhà thờ tin lành Lang Minh, Xuân Lộc, Đồng Nai | 85,7% | (6/7 TV.HĐQT): 01 không có ý kiến) |
| 13 | 13 | 13/QĐ-HĐQT | 20/02/2025 | Về việc chấp thuận cho Người lao động đi tham quan du lịch Trung Quốc | - | |
| 14 | 14 | 14/QĐ-HĐQT | 20/02/2025 | Về việc chấp thuận cho Người lao động đi tham quan du lịch Trung Quốc | - | |
| 15 | 15 | 15/QĐ-HĐQT | 20/02/2025 | Về việc chấp thuận cho Người lao động đi tham quan du lịch Úc | - | |
| 16 | 16 | 16/QĐ-HĐQT | 25/02/2025 | Về việc chấp thuận cho Người lao động đi tham quan du lịch Úc | - | |
| 17 | 17 | 17/QĐ-HĐQT | 25/02/2025 | Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây lắp: Thi công xây dựng công trình, tư vấn: Giám sát thi công xây dựng công trình và tư vấn kiểm toán dự án HTCN xã Hưng Thịnh, Trảng Bom, Đồng Nai. | 71,4% | (5/7 TV.HĐQT): 02 không có ý kiến) |
| 18 | 18 | 18/QĐ-HĐQT | 27/02/2025 | Về việc chi tiền lương Người quản lý điều hành | - | |
| b) Nhiệm kỳ 2025-2030 | | | | | | |
| 19 | 1 | 01/QĐ-HĐQT | 28/02/2025 | Về việc bổ nhiệm chức danh Giám đốc Công ty đối với Ông Trần Văn Nguyên | 100% | |
| 20 | 2 | 02/QĐ-HĐQT | 28/02/2025 | Về việc bổ nhiệm lại chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Nguyễn Cao Hà | 100% | |
| 21 | 3 | 03/QĐ-HĐQT | 28/02/2025 | Về việc bổ nhiệm lại chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Đặng Văn Chắt | 100% | |
| 22 | 4 | 04/QĐ-HĐQT | 28/02/2025 | Về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với Bà Nguyễn Thu Oanh | 100% | |
| 23 | 5 | 05/QĐ-HĐQT | 28/02/2025 | Về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty đối với Ông Nguyễn Ngọc Hiến | 100% | |
| 24 | 6 | 06/QĐ-HĐQT | 26/03/2025 | Về việc bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Lê Thành Trung | 100% | |

| Stt | Số NQ/QĐ | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua | Ghi chú | |
|-----|----------|------------|------------|---|---------|-----------------------------------|
| 25 | 7 | 07/QĐ-HĐQT | 08/04/2025 | Chấp thuận cho Người lao động đi tham quan, du lịch Trung Quốc | - | |
| 26 | 8 | 08/QĐ-HĐQT | 22/04/2025 | Chấp thuận cho Người lao động đi tham quan, du lịch Trung Quốc | - | |
| 27 | 9 | 09/QĐ-HĐQT | 29/04/2025 | Về việc phê duyệt BCNCKT ĐTXD Dự án Hệ thống cấp nước xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom | - | |
| 28 | 10 | 10/QĐ-HĐQT | 29/04/2025 | Về việc kiện toàn Tổ thẩm định các dự án đầu tư thuộc HĐQT Công ty | - | |
| 29 | 11 | 11/QĐ-HĐQT | 29/04/2025 | Về việc ban hành Quy định công tác quy hoạch cán bộ | - | |
| 30 | 12 | 12/QĐ-HĐQT | 23/05/2025 | Về việc phê duyệt KHLCNT tư vấn: Thiết kế, Thẩm tra bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình Dự án HTCN xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom. | 85,7% | (6/7 TV.HĐQT; 01 không có ý kiến) |
| 31 | 13 | 13/QĐ-HĐQT | 27/05/2025 | Chấp thuận cho Người lao động Công ty đi tham quan, du lịch Hàn Quốc | - | |
| 32 | 14 | 14/QĐ-HĐQT | 28/05/2025 | Chấp thuận cho Người lao động Công ty đi tham quan, du lịch tại Châu Âu (Pháp - Thụy Sĩ - Ý) | - | |
| 33 | 15 | 15/QĐ-HĐQT | 09/06/2025 | Chấp thuận cho Người lao động Công ty đi tham quan, du lịch Châu Âu (Pháp, Thụy Sĩ, Ý, Vatican) | - | |
| 34 | 16 | 16/QĐ-HĐQT | 26/06/2025 | Chấp thuận cho Người lao động Công ty thăm thân nhân tại Canada | - | |
| 35 | 17 | 17/QĐ-HĐQT | 16/07/2025 | Về việc cử nhân sự tham gia chương trình đào tạo quốc tế 2025 với chuyên đề "Kỹ thuật máy bơm cho lĩnh vực Cấp thoát nước và nước thải". | - | |
| 36 | 18 | 18/QĐ-HĐQT | 03/09/2025 | Chấp thuận cho Người lao động Công ty đi tham quan, du lịch tại Trung Quốc | - | |
| 37 | 19 | 19/QĐ-HĐQT | 26/09/2025 | Về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí | - | |
| 38 | 20 | 20/QĐ-HĐQT | 08/09/2025 | Về việc phê duyệt danh sách nhân sự bổ sung quy hoạch cán bộ Lãnh đạo Công ty giai đoạn 2025 - 2030 (rà soát năm 2025) | - | |
| 39 | 21 | 21/QĐ-HĐQT | 09/09/2025 | Về việc thôi cử Người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại Công ty CPCN Gia Tân | 100% | |
| 40 | 22 | 22/QĐ-HĐQT | 01/10/2025 | Về việc bổ nhiệm Phụ trách Kế toán Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai | 100% | |
| 41 | 23 | 23/QĐ-HĐQT | 02/10/2025 | Phê duyệt BCKTKT Dự án Lắp đặt song chắn rác tại đầu thu nước thô D1800 Thiện Tân - Nhơn Trạch | 100% | |
| 42 | 24 | 24/QĐ-HĐQT | 09/10/2025 | Chấp thuận cho Người lao động Công ty đi tham quan, du lịch tại Trung Quốc | - | |
| 43 | 25 | 25/QĐ-HĐQT | 22/10/2025 | Chấp thuận cho Người lao động Công ty đi tham quan, du lịch tại Trung Quốc | - | |
| 44 | 26 | 26/QĐ-HĐQT | 01/12/2025 | Phê duyệt BCKTKT Dự án lắp đặt TOCN HDPE OD355 tăng nguồn cho khu Lục quân 2, phường Tam Phước, xã An Phước và xã Bình An | 100% | |

| Stt | | Số NQ/QĐ | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua | Ghi chú |
|-----|----|------------|------------|---|-----------------|-----------------------------------|
| 45 | 27 | 27/QĐ-HĐQT | 02/12/2025 | Chấp thuận cho Người lao động Công ty đi tham quan, du lịch tại Thái Lan | - | |
| 46 | 28 | 28/QĐ-HĐQT | 19/12/2025 | Thành lập Văn phòng HĐQT | 100% | |
| | | | | Phê duyệt Quy chế làm việc của Văn phòng HĐQT | 85,7% | (6/7 TV.HĐQT; 01 không có ý kiến) |
| 47 | 29 | 29/QĐ-HĐQT | 19/12/2025 | Sáp nhập CNCN Nhơn Trạch và CNCN Thiện Tân | 100% | |
| | | | | Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của CNCN Thiện Tân | 85,7% | (6/7 TV.HĐQT; 01 không có ý kiến) |
| 48 | 30 | 30/QĐ-HĐQT | 19/12/2025 | Sáp nhập CNCN Vĩnh An và CNCN Long Bình | 100% | |
| | | | | Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của CNCN Long Bình | 85,7% | (6/7 TV.HĐQT; 01 không có ý kiến) |
| 49 | 31 | 31/QĐ-HĐQT | 19/12/2025 | Chấm dứt hoạt động của CNCN Nhơn Trạch | 100% | |
| 50 | 32 | 32/QĐ-HĐQT | 19/12/2025 | Chấm dứt hoạt động của CNCN Vĩnh An | 100% | |
| 51 | 33 | 33/QĐ-HĐQT | 24/12/2025 | Chi tiền lương bổ sung năm 2025 cho Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS (ứng lương) | - | |
| 52 | 34 | 34/QĐ-HĐQT | 24/12/2025 | Chi tiền lương bổ sung năm 2025 cho Ban Điều hành (ứng lương) | - | |
| 53 | 35 | 35/QĐ-HĐQT | 25/12/2025 | Bổ nhiệm Chánh Văn phòng HĐQT | 71,4% | (5/7 TV.HĐQT; 02 không có ý kiến) |
| 54 | 36 | 36/QĐ-HĐQT | 25/12/2025 | Bổ nhiệm Phó Chánh Văn phòng HĐQT | 71,4% | (5/7 TV.HĐQT; 02 không có ý kiến) |
| 55 | 37 | 37/QĐ-HĐQT | 25/12/2025 | Kiện toàn Hội đồng Thi đua khen thưởng của Công ty | - | |
| 56 | 38 | 38/QĐ-HĐQT | 25/12/2025 | Kiện toàn Hội đồng sáng kiến của Công ty | - | |
| 57 | 39 | 39/QĐ-HĐQT | 31/12/2025 | Chấp thuận cho Người lao động Công ty đi tham quan, du lịch tại Trung Quốc | - | |

PHỤ LỤC 2

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ
 (đính kèm Báo cáo số 20./BC-HĐQT ngày 12/3/2026 của HĐQT Công ty

| Stt | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với Công ty | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên | Thời điểm giao dịch | Số NQ của HĐQT | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|-----|---|--|---|--|---------------------|----------------------------------|---|
| 1 | Tổng Công ty Sonadezi | Công ty mẹ | Số: 3600335363 cấp ngày 01/7/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07/10/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai | Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường Trảng Biên, Đồng Nai | Năm 2025 | 13/NQ-HĐQT | - Bán hàng hóa dịch vụ (nước uống Doriv). Tổng giá trị giao dịch: 37,4 triệu đồng |
| | | | | | | | - Chi trả cổ tức năm 2024: Tổng giá trị giao dịch 122,86 tỷ đồng. |
| 2 | Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi | Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi | Số: 3600274914 cấp ngày 07/08/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 15/9/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai | Số 12, đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai | Năm 2025 | 13/NQ-HĐQT; 18/NQ-HĐQT | - Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, nước uống Doriv). Tổng giá trị giao dịch: 1,89 tỷ đồng. - Mua hàng hóa, dịch vụ: Thuê dịch vụ vận chuyển xử lý rác thải; chăm sóc cây kiểng. Tổng giá trị giao dịch: 242,7 triệu đồng |
| 3 | Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị CN Số 2 | Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi | Số: 3600259560 cấp ngày 03/01/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 28/8/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai | Số 47, đường D9, Khu dân cư đường Võ Thị Sáu, khu phố Vĩnh Thạnh, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai | Năm 2025 | | - Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng). Tổng giá trị giao dịch: 532,6 triệu đồng |
| 4 | Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành | Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT | Số: 3600649539 cấp ngày 18/08/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 15/8/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai | KCN Long Thành, Xã An Phước, Tỉnh Đồng Nai | Năm 2025 | 13/NQ-HĐQT | - Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). Tổng giá trị giao dịch: 74,6 tỷ đồng. |
| 5 | Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai | Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi | Số: 3600334112 cấp ngày 04/01/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 31/7/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai | 1B-D3 KP Bình Dương, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai | Năm 2025 | 13/NQ-HĐQT | - Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). Tổng giá trị giao dịch: 586,5 triệu đồng. |
| 6 | Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức | Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT | Số: 3600899948 cấp ngày 26/06/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 23/9/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai | Tầng 9, Cao ốc Sonadezi, Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai | Năm 2025 | 13/NQ-HĐQT | - Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). Tổng giá trị giao dịch: 11,3 triệu đồng |
| | | | | | | | - Nhận chi trả cổ tức năm 2024: Tổng giá trị giao dịch: 171 triệu đồng. |
| 7 | Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình | Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT và BKS | Số: 3601867699 cấp ngày 01/07/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 23/9/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai | Số 1, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai | Năm 2025 | Các NQ số 13/NQ-HĐQT; 01/NQ-HĐQT | - Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, nước uống Doriv và lắp đặt đồng hồ nước cho công trình Nhà xưởng). Tổng giá trị giao dịch: 54,2 tỷ đồng. |
| 8 | Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận | Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT | Số: 3401205899 cấp ngày 05/06/2020 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14/8/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng | 443 Thôn 6, Xã Tân Minh, Tỉnh Lâm Đồng | Năm 2025 | 13/NQ-HĐQT | - Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). Tổng giá trị giao dịch: 71,2 triệu đồng |

| Stt | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với Công ty | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên | Thời điểm giao dịch | Số NQ của HĐQT | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|-----|---|--|---|--|---------------------|---------------------------------|---|
| 9 | Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình | Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi | Số: 3600449307 cấp ngày 12/01/2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 30/7/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai | Số 113 – 116, Lô C2, Đường 9, KDC An Bình, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai | Năm 2025 | 13/NQ-HĐQT | Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, nước uống Doriv và súc xá Tuyền ống cấp nước). - Tổng giá trị giao dịch: 128,2 triệu đồng. Mua dịch vụ thi công các gói thầu Dự án: - Tổng giá trị giao dịch: 27 tỷ đồng. |
| 10 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi | Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi | Số: 3600890938 cấp ngày 15/5/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 07/01/2026; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai | Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai | Năm 2025 | 11/NQ-HĐQT; NQ số 07,08/NQ-HĐQT | - Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch). Tổng giá trị giao dịch: 74,1 triệu đồng. - Mua hàng hóa dịch vụ: vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại. Tổng giá trị giao dịch: 103,5 triệu đồng |
| 11 | Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền | Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT | Số 360347407 cấp ngày 01/7/2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 22/12/2023; Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai | Tầng 1, Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai | Năm 2025 | 13/NQ-HĐQT | - Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). Tổng giá trị giao dịch: 24,8 tỷ đồng |
| 12 | Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai | Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi | Số 3600510590 cấp ngày 25/10/2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 10/6/2022; Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai | Số 09 đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai | Năm 2025 | 13/NQ-HĐQT | - Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv) Tổng giá trị giao dịch: 83,3 triệu đồng |
| 13 | Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai | Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi | Số 3600322445 cấp ngày 01/11/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 11/4/2024; Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai | Số 121 Phan Chu Trinh, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai | Năm 2025 | 13/NQ-HĐQT | - Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). Tổng giá trị giao dịch: 318,7 triệu đồng |
| 14 | Trường Cao đẳng CN&QT Sonadezi | Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi | Số GCNĐK: 135/2017/GCNĐK KH&TCDNGCNĐK; Ngày cấp: 14/6/2017; Nơi cấp: Tổng cục Dạy nghề (nay là Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) | Số 1, đường 6A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai | Năm 2025 | 13/NQ-HĐQT | - Bán hàng hóa dịch vụ (nước uống Doriv). Tổng giá trị giao dịch: 64,9 triệu đồng |
| 15 | Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai | Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi | Số 3600451024 cấp ngày 01/03/2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17/10/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai | Đường số 6, KCN Hồ Nai, Phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai | Năm 2025 | 13/NQ-HĐQT | - Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, nước uống Doriv, Cho thuê mặt bằng quảng cáo tại thủy đài nước KCN Biên Hòa 1). Tổng giá trị giao dịch: 113,7 triệu đồng |
| 16 | Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Vật liệu Đồng Nai | Tổ chức có liên quan với Tổng Công ty Sonadezi | Số: 3600259352 cấp ngày 29/09/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 16/12/2024; Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai | 138 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trăn Dải, Tỉnh Đồng Nai | Năm 2025 | 13/NQ-HĐQT | - Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch). Tổng giá trị giao dịch: 76,2 triệu đồng |

| Stt | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với Công ty | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên | Thời điểm giao dịch | Số NQ của HĐQT | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|-----|---|-----------------------------------|---|---|---------------------|---------------------|--|
| 17 | Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch | Công ty con | Số: 3600977120; cấp ngày 14/02/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21/10/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai | KCN Nhơn Trạch, Hiệp Phước, Nhơn Trạch, Đồng Nai | Năm 2025 | 14/NQ-HĐQT | - Bán hàng hóa dịch vụ (bán nước sạch qua đồng hồ tổng và nước uống Doriv). Tổng giá trị giao dịch: 57 tỷ đồng. |
| | | | | | | 08/NQ-HĐQT | - Nhận chi trả cổ tức năm 2024: Tổng giá trị giao dịch: 7,8 tỷ đồng. |
| 18 | Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh | Công ty con | Số: 3600979223; cấp ngày 18/02/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 10/10/2025; Nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng | Số 02 Bis, Cách mạng tháng Tám, phường Long Khánh, Đồng Nai | Năm 2025 | 04/NQ-HĐQT | - Chi trả cổ tức năm 2024 cho Công ty: Tổng giá trị giao dịch: 7,6 tỷ đồng. |
| 19 | Công ty Cổ phần Dịch vụ & XDCN Đồng Nai | Công ty liên kết | Số: 3600978879; cấp ngày 18/02/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03/02/2024; Nơi cấp: Sở KH&ĐT Đồng Nai | Số 52, CMT8, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai | Năm 2025 | | - Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, nước uống Doriv, chuyển nhượng điện, vật tư) Tổng giá trị giao dịch: 252,1 triệu đồng. |
| | | | | | | 07/2025/NQ-HĐQT-DVW | - Nhận chi trả cổ tức năm 2024: Tổng giá trị giao dịch: 2,5 tỷ đồng. |

PHỤ LỤC 3

Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

(đính kèm Báo cáo số.../BC-HĐQT ngày.../3/2026 của HĐQT Công ty)

| Stt | Tên tổ chức/ Cá nhân | Mối liên hệ liên quan với Công ty | Nội dung giao dịch | Giá trị giao dịch |
|-----|---|---|---|----------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành (SZL) | Tổ chức có Ông Phạm Anh Tuấn - TV.HĐQT Công ty đồng thời là TV.HĐQT, Tổng Giám đốc tại SZL | Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv) | 74,6 tỷ đồng |
| 2 | Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (SZB) | - Tổ chức có Ông Phạm Anh Tuấn - TV.HĐQT Công ty đồng thời là TV.HĐQT tại SZB (đến hết ngày 28/3/2024); - Tổ chức có Ông Nguyễn Công Hiếu - TV.HĐQT Công ty đồng thời là TV.BKS tại SZB | Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, nước uống Doriv và lắp đặt đồng hồ nước cho công trình Nhà xưởng) | 54,2 tỷ đồng |
| 3 | Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (SZC) | Tổ chức có Ông Phạm Anh Tuấn - TV.HĐQT Công ty đồng thời là TV.HĐQT tại SZC | Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv) | 11,3 triệu đồng |
| 4 | Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận (SZT) | - Tổ chức có Ông Phạm Anh Tuấn - TV.HĐQT Công ty đồng thời là TV.HĐQT tại SZT; - Tổ chức có Ông Nguyễn Công Hiếu - TV.HĐQT Công ty đồng thời là Kế toán trưởng tại SZT | Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv) | 71,2 triệu đồng |
| 5 | Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị CN Số 2 (D2D) | Tổ chức có Bà Phạm Thị Hồng - CT.HĐQT Công ty đồng thời là TV.HĐQT tại D2D (kể từ ngày 16/4/2025) | Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng). | 532,6 triệu đồng |
| 6 | Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN) | Tổ chức có Ông Trần Văn Nguyên - Giám đốc Công ty đồng thời là TV.HĐQT tại PDN (đến hết ngày 24/4/2025) | Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv) | 586,5 triệu đồng |

PHỤ LỤC 4

**Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan
đối với cổ phiếu của Công ty**

(đính kèm Báo cáo số... 26/BC-HĐQT ngày... 10/3/2026 của HĐQT Công ty)

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Mối quan hệ với Công ty | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|--|---|---------------------------|---------|----------------------------|---------|--|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ % | Số cổ phiếu | Tỷ lệ % | |
| 1 | Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương (BWE) | <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; - Tổ chức có liên quan của Người nội bộ - Ông Nguyễn Văn Thiển - TV.HĐQT Công ty | 22.600.000 | 18,83% | 22.781.200 | 18,98% | Mua (Thông báo giao dịch cổ phiếu ngày 20/12/2025 và Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu ngày 27/12/2025 của BWE) |

Số: 24./BC-HĐQT

Trần Biên, ngày 10 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO
kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh năm 2025;
Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai;

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai báo cáo một số nội dung chính về kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2025; Kế hoạch SXKD năm 2026 như sau:

I. Kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2025

1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2025:

Năm 2025 khép lại trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đan xen những khó khăn và thuận lợi. Diễn biến phức tạp của tình hình địa chính trị tại nhiều khu vực, cùng xu hướng gia tăng các chính sách bảo hộ thương mại tại một số quốc gia đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thương mại, đầu tư và chuỗi cung ứng toàn cầu, qua đó tác động đến nền kinh tế nước ta nói chung và tại tỉnh Đồng Nai nói riêng.

Cùng với khả năng ứng phó trước những biến động, đồng thời với những điều chỉnh kịp thời và thực hiện các biện pháp cải tiến công tác quản trị, sự thống nhất tư tưởng trong Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB.CNV, nhìn chung trong năm 2025, Công ty cơ bản bám sát các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, sản lượng nước cung cấp ổn định, an toàn cho nhu cầu sinh hoạt của người dân và hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Công tác đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động tiếp tục được quan tâm, ổn định tư tưởng chính trị, giữ vững an ninh quốc phòng, an toàn nguồn nước. Các tổ chức đoàn thể hoạt động đúng theo định hướng và Điều lệ.

Tuy nhiên, có một số yếu tố tác động lớn làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: Doanh thu tiền nước bị ảnh hưởng do di dời các doanh nghiệp khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1; Doanh thu hoạt động xây lắp và chi phí sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng do Công ty điều chỉnh chính sách đầu tư và đầu nối cho khách hàng từ ngày 15/4/2025 theo quy định mới; Tỷ lệ thất thoát còn cao do nhiều dự án trọng điểm của tỉnh và dự án cải tạo hạ tầng tại các xã đồng thời triển khai thi công trong năm 2025 đã tác động đến hệ thống đường

ống cấp nước, gây hư hỏng làm tăng tỷ lệ thất thoát, bên cạnh đó việc tiếp nhận hệ thống cấp nước cũ, xuống cấp, thường xuyên rò rỉ của các HTX bàn giao cũng là một trong những nguyên nhân tăng tỷ lệ thất thoát.

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

| Stt | Các chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch 2025 | Thực hiện 2025 | Tỷ lệ % so KH |
|----------|-----------------------------------|----------------|------------------|------------------|---------------|
| 1 | Sản lượng nước | | | | |
| | - Sản lượng nước sản xuất | m ³ | 145.863.000 | 142.910.354 | 98,0 |
| | - Sản lượng nước ghi thu | m ³ | 124.000.000 | 120.102.044 | 96,9 |
| 2 | Tỷ lệ thất thoát bình quân | % | 15 | 16,0 | 1,0 |
| 3 | Tổng doanh thu (Loại CLTG) | Tr.đồng | 1.190.000 | 1.174.524 | 98,7 |
| | - Doanh thu nước | Tr.đồng | 1.130.000 | 1.091.578 | 96,6 |
| | - Doanh thu xây lắp | Tr.đồng | 24.900 | 28.426 | 114,2 |
| | - Doanh thu HĐTC (Loại CLTG) | Tr.đồng | 25.000 | 43.599 | 174,4 |
| | - Doanh thu nước Doriv | Tr.đồng | 4.100 | 4.155 | 101,3 |
| | - Doanh thu khác | Tr.đồng | 6.000 | 6.766 | 112,8 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 300.000 | 300.896 | |
| | - Lợi nhuận từ hoạt động SXKD | Tr.đồng | 300.000 | 322.242 | 107,4 |
| | - Lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá | Tr.đồng | - | -21.346 | |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | 270.000 | 271.449 | |
| | - Lợi nhuận từ hoạt động SXKD | Tr.đồng | 270.000 | 290.660 | 107,7 |
| | - Lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá | Tr.đồng | - | -19.211 | |
| 6 | Các khoản phải nộp NS | Tr.đồng | 120.000 | 122.391 | 101,9 |
| 7 | Đầu tư xây dựng cơ bản | Tr.đồng | 497.000 | 202.738 | 40,8 |

2. Tình hình thực hiện các dự án cấp nước:

a) Các dự án vốn vay ODA:

- Dự án HTCN Nhơn Trạch (giai đoạn 1) công suất 100.000m³/ngày: Công ty tiếp tục có các văn bản giải trình và xin ý kiến của Sở Tài chính để được hướng dẫn thực hiện các thủ tục về điều chỉnh Dự án theo quy định.

- Dự án HTCN Nhơn Trạch (giai đoạn 2) công suất 100.000m³/ngày:, Công ty tiếp tục có các báo cáo giải trình và xin ý kiến của Sở Tài chính, UBND tỉnh Đồng Nai đề xuất xin dừng vốn ODA cho dự án.

- Dự án HTCN Thiện Tân (giai đoạn 2) công suất 100.000m³/ngày: UBND tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt Quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án (Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 15/9/2025).

b) Các dự án vốn vay thương mại và vốn khác: Triển khai thực hiện 78 dự án với khối lượng thực hiện là 155.309 triệu đồng, gồm: 22 dự án trong giai đoạn

kết thúc, 11 dự án đang thi công, 13 dự án ở giai đoạn thực hiện dự án và 32 dự án trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

c) *Các công trình cải tạo, mở mạng, sửa chữa; chống thất thoát*: Thực hiện các hạng mục cải tạo, mở mạng, sửa chữa và chống thất thoát theo kế hoạch với tổng khối lượng thực hiện là 28.675 triệu đồng.

d) *Công tác mua sắm*: Thực hiện mua sắm vật tư thiết bị theo Kế hoạch đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ với giá trị là 18.754 triệu đồng.

đ) *Thực hiện công tác giám sát thi công và chống thất thoát*:

Công tác dò tìm ống bể: Tổng điểm báo trên Group ống bể: 9.259 điểm, trong đó Tổ dò tìm của Phòng Kỹ thuật phát hiện 750 điểm rò rỉ, bể ống (ống STK, HDPE D25, D63, D90, D110...) trên địa bàn các Phường: Trần Biên, Long Bình, Tam Hiệp, Long Hưng, Phước Tân, Tam Phước, Hồ Nai, Trảng Dài, Tân Triều và KCN Biên Hòa 1.

Thực hiện kiểm tra các đồng hồ điện từ có chỉ số tăng/giảm đột biến và kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ đồng hồ và Datalogger và các trường hợp đồng hồ điện từ gặp sự cố; chuyển đổi di dời các đồng hồ của khách hàng tại khu vực HTX An Hòa: 542/1.163 Đồng hồ.

Điều tiết áp lực tại các Trạm tăng áp KCN 2 để đảm bảo áp lực cho khu vực Long Bình Tân, An Hòa và Phước Tân. Phối hợp vận hành bơm nước thô Thạnh Phú đảm bảo nguồn nước thô cho các Chi nhánh Thiện Tân, Nhơn Trạch.

Phối hợp với các đơn vị thi công tuyến đường cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu để bảo vệ an toàn tuyến ống cấp nước và hạn chế mất nước của khách hàng.

Thực hiện tăng cường công tác kiểm tra và xây dựng phương án ứng phó sự cố trong tình hình biến đổi khí hậu cực đoan đảm bảo cấp nước an toàn.

Triển khai cúp nước theo từng giai đoạn đối với các doanh nghiệp tại KCN Biên Hòa 1 để thực hiện Đề án chuyển đổi KCN thành khu Đô thị-Thương mại-Dịch vụ. Trong tổng số 124 đồng hồ tại KCN Biên Hòa 1 thuộc đề án đã cúp đến 07/01/2026: 82 đồng hồ, còn lại 42 đồng hồ của những khách hàng đang di dời.

3. Công tác môi trường:

Đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép khai thác nước mặt công suất 10.000m³/ngày.đêm cho Nhà máy nước Vĩnh An.

Gia hạn Giấy phép khai thác: Đã thực hiện xong cho Sông Ray (150m³/ngày. đêm), Trạm Bàu Hàm (500m³/ngày.đêm), Trạm cấp nước Tân Phú (2.700m³/ngày. đêm). Đã xin được cấp phép cho Nhà máy nước Định Quán khai thác với lưu lượng 5.900m³/ngày.đêm (giấy phép cấp cho Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp Đồng Nai).

Hồ sơ xin điều chỉnh công suất cho Nhà máy Long Bình từ 30.000m³/ngày. đêm lên 36.000m³/ngày.đêm: đã được cấp giấy phép môi trường ngày 27/8/2025, cấp giấy phép khai thác ngày 17/9/2025.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền

khai thác cho Nhà máy nước Thiện Tân, Nhơn Trạch, Thạnh Phú, Biên Hòa (thực hiện kê khai thêm phần mục đích sinh hoạt và hành chính sự nghiệp từ ngày 01/07/2025).

Hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường của NMN Biên Hòa: UBND tỉnh đã thống nhất đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc cho Công ty tiếp tục sử dụng thuê đất mặt nước tại NMN Biên Hòa (văn bản số 4885/UBND-KTN ngày 25/4/2025). Bản vẽ hiện trạng và Báo cáo khảo sát địa hình đã nộp Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh để biên vẽ bản đồ địa chính khu đất, và đã thực hiện các thủ tục kê khai hồ sơ thuê đất mặt nước, nộp trực tuyến cho Trung tâm hành chính công phường Trảng Biên. Đối với hạng mục bảo vệ môi trường công trình xử lý nước thải, bùn thải: đã thi công xong 01 hố thu nước rửa lọc và đang thực hiện lắp đặt 02 bồn chứa nước xả bể lọc và bể lắng để thu hồi nước rửa bể lọc, bể lắng, tuần hoàn trong quá trình sản xuất nước. Ban Quản lý Dự án Công ty đang thực hiện Dự án xây dựng Trạm xử lý bùn Nhà máy nước Biên Hòa.

Điều chỉnh hợp đồng mua nước thô Hồ Núi Le công suất 15.000 m³/ngày: sẽ thực hiện hồ sơ ngay sau khi Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai thực hiện xong kiểm định an toàn đập, hồ chứa.

Tiến hành lập hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác cho Nhà máy nước Tâm Hưng Hòa công suất 10.000m³/ngày.đêm; Nhà máy nước Gia Ray công suất 11.671m³/ngày.đêm (đang làm thủ tục chỉ định thầu).

4. Công tác chăm sóc khách hàng:

Thực hiện tư vấn, hướng dẫn cho khách hàng về các thủ tục: Lắp đặt hệ thống cấp nước; Sửa chữa, di dời hệ thống cấp nước và nhận Đơn lắp đặt Online trên trang Web của Công ty; Ký hợp đồng điện tử; Thực hiện quy trình khảo sát - thi công - lắp đặt bằng App. Liên tục theo dõi cũng như cập nhật các thông tin thay đổi về dịch vụ của Công ty để tư vấn cho khách hàng kịp thời.

Triển khai đồng bộ công tác truyền thông nội bộ và bên ngoài về việc cảnh báo khách hàng cảnh giác các thủ đoạn giả danh nhân viên Công ty; tăng cường bảo mật dữ liệu của đối tác thu hộ; phối hợp tuyên truyền với chính quyền địa phương nhằm đảm bảo an toàn thông tin, tài sản cho khách hàng, đồng thời khuyến cáo đến khách hàng về kiểm soát chất lượng nước sau đồng hồ.

5. Một số nhiệm vụ khác trong năm 2025:

Phối hợp với Ban Chuyển đổi số và Quản lý chất lượng cùng với Ban Nhân sự của Tổng Công ty Sonadezi và các phòng ban chuyên môn tại Công ty để cập nhật dữ liệu, báo cáo trên hệ thống Báo cáo quản trị thông minh. Cập nhật dữ liệu của kế hoạch năm 2026 lên phần mềm kế hoạch mới của Công ty.

Tổ chức giao lưu thể thao, tuyên truyền các hoạt động chào mừng kỷ niệm 50 năm Giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước và Quốc tế Lao động, giải Pickleball Dowaco lần thứ 1 tranh cúp Doriv. Tham gia các hoạt động thể thao,

Triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến công tác sắp xếp, kiện toàn tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty. Lắng ý kiến góp ý các Dự thảo quy chế

tổ chức hoạt động các đơn vị sau tinh gọn. Dự thảo quy chế tiền lương của Công ty và triển khai lấy ý kiến của tập thể người lao động, công đoàn tại các đơn vị.

II. Các tồn tại, khó khăn, vướng mắc:

Giá bán nước sạch vẫn áp dụng theo Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai. Công ty và các Công ty con đã xây dựng phương án giá nước mới phù hợp quy định và cơ chế hiện hành trình các Sở ban ngành của tỉnh Đồng Nai nhưng đến nay chưa được phê duyệt. Gia hạn giấy phép khai thác nước ngầm bị hạn chế, làm giảm công suất cung cấp một số giếng.

Tỷ lệ thất thoát còn cao do thường xuyên xảy ra bể ống khi thi công dự án Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu và một số dự án cải tạo hạ tầng tại các xã trên địa bàn tỉnh; khu vực tuyến ống do các HTX bàn giao lại Công ty chủ yếu là ống cũ, lâu năm, rò rỉ nhiều;...

Sản lượng nước sản xuất và Doanh thu tiền nước bị ảnh hưởng do di dời các doanh nghiệp để giải phóng mặt bằng chuyển đổi công năng Khu công nghiệp Biên Hòa 1, do việc sắp xếp/sáp nhập các đơn vị hành chính sự nghiệp.

Nhu cầu sử dụng nước tại một số khu vực đã bão hòa; một số địa bàn các xã đã có HTCN tập trung khác nên ảnh hưởng đến công tác phát triển khách hàng.

Thực hiện các dự án đầu tư hệ thống cấp nước còn gặp khó khăn, vướng mắc liên quan thủ tục pháp lý về đất đai, quy hoạch, xin thỏa thuận/cấp phép thi công dẫn đến nhiều dự án chậm triển khai.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Với kết quả đạt được và những khó khăn vướng mắc đã chỉ ra trong năm 2025, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty đề ra một số chỉ tiêu, kế hoạch trọng tâm trong năm 2026 như sau:

1. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cơ bản:

| Stt | Nội dung | Đvt | KH năm 2026 |
|----------|--|-------------|--------------------------|
| 1 | Doanh thu | Đồng | 1.182.600.000.000 |
| | - Doanh thu nước | Đồng | 1.125.760.000.000 |
| | - Doanh thu xây lắp | Đồng | 20.000.000.000 |
| | - Doanh thu HĐTC | Đồng | 26.740.000.000 |
| | - Doanh thu Doriv + khác | Đồng | 10.100.000.000 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Đồng | 310.700.000.000 |
| | - Lợi nhuận trước thuế (loại trừ CLTG) | Đồng | 310.700.000.000 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 279.630.000.000 |
| | - Lợi nhuận sau thuế (loại trừ CLTG) | Đồng | 279.630.000.000 |
| 4 | Các khoản nộp Ngân sách | Đồng | 120.000.000.000 |
| 5 | Xây dựng cơ bản | Đồng | 428.000.000.000 |

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm:

Tiếp tục tăng cường đẩy mạnh các giải pháp trong quản lý điều hành; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ trọng tâm như công tác cải cách thủ tục hành

chính, nâng cao chất lượng dịch vụ; tăng cường công tác chuyển đổi số, xây dựng kế hoạch tổng thể về chuyển đổi số cho toàn Công ty về hoạt động quản lý, chuyển đổi số trong sản xuất; công tác phát triển khách hàng; chú trọng công tác giảm thất thoát, xử lý nhanh các sự cố trên tuyến ống, phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Tăng cường công tác quốc phòng an ninh, phòng chống cháy nổ, bảo vệ an ninh nguồn nước, cấp nước an toàn. Thường xuyên theo dõi, giám sát chất lượng nước nguồn để có biện pháp xử lý kịp thời đảm bảo chất lượng nước sạch bơm ra mạng. Tiếp tục thực hiện công tác môi trường theo quy định; thực hiện tiết kiệm chi phí vật tư, hóa chất trong công tác sản xuất.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển và mở rộng nguồn nhằm đảm bảo cung cấp nước sạch ổn định, liên tục, đáp ứng kịp thời nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ của người dân, đặc biệt tại các khu đô thị, khu công nghiệp và vùng đang phát triển. Tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc thực hiện các thủ tục liên quan đề đề xuất cập nhật quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng phù hợp làm cơ sở lập hồ sơ xin chủ trương thực hiện các dự án có sử dụng đất. Đôn đốc và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án theo kế hoạch năm 2026, sớm đưa các dự án vào khai thác sử dụng góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới tuyến ống, van trên GIS; dò tìm ống bể, lắp các dataloger theo dõi áp lực mạng lưới tuyến ống để điều tiết áp lực; Đẩy mạnh phân vùng tách mạng, cải tạo tuyến ống và ứng dụng công nghệ trong vận hành nhằm giảm tỉ lệ thất thoát; Rà soát ống STK để cải tạo và cập nhật khách hàng; thực hiện thi công, sửa chữa, kiểm tra, kiểm định các đồng hồ điện từ...

Tiếp tục triển khai thực hiện công tác sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy tại Công ty. Chú trọng tăng cường công tác đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng cho cán bộ quản lý Công ty nhất là cán bộ trẻ, đội ngũ cán bộ kế cận, quy hoạch; tập trung đào tạo nguồn cán bộ tại chỗ đáp ứng yêu cầu của Công ty.

Tiếp tục phối hợp, làm việc với các Sở ngành để được phê duyệt phương án giá sạch của Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025; Kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BGĐ Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu: VT, VPHĐQT.

B/HHN/HDQT/ĐHCD/2026

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Thị Hồng

Số: 02 /TTr-HĐQT

Trần Biên, ngày 10 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025
của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Công ty như sau:

Báo cáo tài chính năm 2025 (cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025) của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam bao gồm các nội dung: Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty; Báo cáo của Kiểm toán độc lập; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Công ty đã thực hiện công bố thông tin các nội dung Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán theo đúng quy định, đồng thời đăng tải trên Website của Công ty (tại đường dẫn <https://dowaco.vn/quan-he-co-dong>).

(đính kèm nội dung Báo cáo tài chính)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BGĐ Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

E:\HÀNH HQQT\DHCD\2026\

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thị Hồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

| MỤC LỤC | TRANG |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 – 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 – 4 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán | 5 – 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 8 – 9 |
| Bản thuyết minh báo cáo tài chính | 10 – 45 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|----------------------|--|
| Bà Phạm Thị Hồng | Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 28/02/2025) |
| Ông Đặng Văn Chất | Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 28/02/2025) |
| Ông Nguyễn Văn Thiện | Thành viên |
| Ông Trần Văn Nguyên | Thành viên |
| Ông Nguyễn Cao Hà | Thành viên |
| Ông Phạm Anh Tuấn | Thành viên |
| Ông Võ Văn Bình | Thành viên |
| Ông Nguyễn Công Hiếu | Thành viên |

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|----------------------|----------------|
| Bà Lê Thị Ngọc Sáu | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn An Quốc | Thành viên |
| Ông Nguyễn Duy Khang | Thành viên |

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|---------------------|--|
| Ông Trần Văn Nguyên | Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2025) |
| Bà Phạm Thị Hồng | Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/03/2025) |
| Ông Đặng Văn Chất | Phó Giám đốc |
| Ông Nguyễn Cao Hà | Phó Giám đốc |
| Ông Lê Thành Trung | Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2025) |

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Văn Nguyên
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 11 tháng 02 năm 2026

Số: 35/2026/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 02 năm 2026 từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Trịnh Thanh Thanh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2025-026-1

Lê Hoàng Mỹ Linh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
6326-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2026

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | TM | Tại ngày 31/12/2025 | Tại ngày 01/01/2025 |
|--|------------|------------|--------------------------|--------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 683.068.736.650 | 675.751.689.566 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4.1 | 74.758.504.826 | 25.667.043.439 |
| 1. Tiền | 111 | | 44.758.504.826 | 25.667.043.439 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 30.000.000.000 | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 500.000.000.000 | 553.700.000.000 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 4.2 | 500.000.000.000 | 553.700.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 66.011.549.437 | 57.903.015.892 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 4.3 | 39.828.178.940 | 35.854.654.966 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 10.460.926.151 | 4.381.382.436 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 4.4 | 21.012.738.471 | 22.957.272.615 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 4.5 | (5.290.294.125) | (5.290.294.125) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 41.989.474.103 | 38.075.145.070 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 4.6 | 41.989.474.103 | 38.075.145.070 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 309.208.284 | 406.485.165 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 4.10 | 309.208.284 | 406.485.165 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 2.555.777.990.187 | 2.649.778.839.488 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 2.228.695.170.932 | 2.320.975.314.558 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 4.8 | 1.941.750.353.871 | 2.026.332.037.620 |
| Nguyên giá | 222 | | 5.338.353.382.763 | 5.139.970.648.342 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (3.396.603.028.892) | (3.113.638.610.722) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 4.9 | 286.944.817.061 | 294.643.276.938 |
| Nguyên giá | 228 | | 373.969.628.291 | 373.931.378.291 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (87.024.811.230) | (79.288.101.353) |
| II. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 152.520.158.582 | 158.249.181.094 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 4.7 | 152.520.158.582 | 158.249.181.094 |
| III. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 4.2 | 147.395.577.111 | 146.702.786.642 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 103.728.819.600 | 103.728.819.600 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 7.800.368.003 | 7.800.368.003 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 56.709.842.490 | 54.209.842.490 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (20.843.452.982) | (19.036.243.451) |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 27.167.083.562 | 23.851.557.194 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 4.10 | 27.167.083.562 | 23.851.557.194 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 3.238.846.726.837 | 3.325.530.529.054 |

(Xem trang tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | TM | Tại ngày 31/12/2025 | Tại ngày 01/01/2025 |
|--|------------|--------|--------------------------|--------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 911.765.229.709 | 1.040.516.672.045 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 377.002.770.682 | 435.791.247.734 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 4.11 | 38.677.094.096 | 48.076.779.431 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 6.256.533.287 | 5.099.503.566 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 4.12 | 11.162.628.461 | 12.936.338.289 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | 4.13 | 77.296.561.096 | 66.134.938.552 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 8.238.809.555 | 8.698.508.591 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | | 12.075.279.855 | 16.420.367.534 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 4.14 | 169.197.401.509 | 223.201.073.681 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 4.15 | 54.098.462.823 | 55.223.738.090 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 534.762.459.027 | 604.725.424.311 |
| 1. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | 6.086.138.296 | 6.608.516.442 |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | 1.382.977.596 |
| 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 4.14 | 528.676.320.731 | 596.733.930.273 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 2.327.081.497.128 | 2.285.013.857.009 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 4.16.1 | 2.327.081.497.128 | 2.285.013.857.009 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 1.200.000.000.000 | 1.200.000.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 1.200.000.000.000 | 1.200.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 115.307.706.961 | 115.307.706.961 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 350.292.198.958 | 264.768.092.419 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 661.481.591.209 | 704.938.057.629 |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước | 421a | | 390.032.355.713 | 376.979.491.700 |
| LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 271.449.235.496 | 327.958.565.929 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 3.238.846.726.837 | 3.325.530.529.054 |



Trần Văn Nguyên
Giám đốc



Nguyễn Bách Thảo
Phụ trách kế toán



Trần Hoàng Anh Phương
Người lập

Đồng Nai, ngày 11 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|-------|-----|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 5.1 | 1.124.157.911.055 | 1.119.479.367.341 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 1.124.157.911.055 | 1.119.479.367.341 |
| 3. Giá vốn hàng bán | 11 | 5.2 | 694.136.043.924 | 677.546.501.082 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 430.021.867.131 | 441.932.866.259 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 5.3 | 43.599.587.534 | 81.038.302.175 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | 5.4 | 51.763.500.921 | 35.922.712.932 |
| Trong đó, chi phí lãi vay | 23 | | 27.177.843.154 | 29.458.328.179 |
| 7. Chi phí bán hàng | 25 | 5.5 | 64.583.712.445 | 61.189.226.697 |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 5.6 | 60.265.637.399 | 63.215.426.340 |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 297.008.603.900 | 362.643.802.465 |
| 10. Thu nhập khác | 31 | | 6.766.617.483 | 6.567.866.610 |
| 11. Chi phí khác | 32 | | 2.879.267.816 | 4.713.714.243 |
| 12. Lợi nhuận khác | 40 | | 3.887.349.667 | 1.854.152.367 |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 300.895.953.567 | 364.497.954.832 |
| 14. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 5.8 | 29.446.718.071 | 36.539.388.903 |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 271.449.235.496 | 327.958.565.929 |



Trần Văn Nguyễn
Giám đốc

Nguyễn Bách Thảo
Phụ trách kế toán

Trần Hoàng Anh Phương
Người lập

Đồng Nai, ngày 11 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|-------|------|-------------------|-------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 300.895.953.567 | 364.497.954.832 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 5.7 | 290.701.128.047 | 296.012.992.923 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 1.807.209.531 | 6.332.074.932 |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | 21.346.300.134 | (47.642.456.443) |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (42.534.360.597) | (30.384.562.709) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 5.4 | 27.177.843.154 | 29.458.328.179 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 599.394.073.836 | 618.274.331.714 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (1.515.743.143) | (2.923.578.822) |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (3.914.329.033) | (3.158.745.270) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 18.068.109.131 | (36.812.521.801) |
| Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | | (3.218.249.487) | (19.553.909.624) |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (28.372.872.801) | (30.923.300.630) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | 4.12 | (35.882.150.905) | (32.066.124.518) |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (38.506.870.644) | (26.972.752.433) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 506.051.966.954 | 465.863.398.616 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (214.589.951.729) | (133.717.540.998) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | | (660.000.000.000) | (788.700.000.000) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 713.700.000.000 | 655.000.000.000 |
| 4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (2.500.000.000) | (1.140.120.000) |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 41.769.585.610 | 25.840.552.573 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (121.620.366.119) | (242.717.108.425) |

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|-----------|------------|--------------------------|--------------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 6.1 | 90.125.819.000 | 122.371.634.717 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | 6.2 | (233.533.400.848) | (220.768.322.080) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | 4.16.4 | (191.932.557.600) | (144.079.060.900) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (335.340.139.448) | (242.475.748.263) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40) | 50 | | 49.091.461.387 | (19.329.458.072) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 25.667.043.439 | 44.996.501.511 |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61) | 70 | 4.1 | 74.758.504.826 | 25.667.043.439 |



Trần Văn Nguyên
Giám đốc

Nguyễn Bách Thảo
Phụ trách kế toán

Trần Hoàng Anh Phương
Người lập

Đồng Nai, ngày 11 tháng 02 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 05 tháng 09 năm 2014, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600259296 ngày 01 tháng 01 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 07 tháng 03 năm 2025 để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 53/2015/GCNCP-VSD ngày 03 tháng 07 năm 2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 16 tháng 03 năm 2016, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với Mã chứng khoán là DNW.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.200.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

| Nhà đầu tư | Quốc gia | Tại ngày 31/12/2025 | | Tại ngày 01/01/2025 | |
|---|----------|--------------------------|------------|--------------------------|------------|
| | | Giá trị (VND) | Tỷ lệ (%) | Giá trị (VND) | Tỷ lệ (%) |
| Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp | Việt Nam | 767.869.200.000 | 63,99 | 767.869.200.000 | 63,99 |
| Các cổ đông khác | | 432.130.800.000 | 36,01 | 432.130.800.000 | 36,01 |
| Cộng | | 1.200.000.000.000 | 100 | 1.200.000.000.000 | 100 |

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 878 (01 tháng 01 năm 2025 là 855).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp nước sạch, dịch vụ lắp đặt và sản xuất nước tinh khiết.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước;
- Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các công ty con, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

| Tên | Ngành nghề hoạt động chính | Địa chỉ | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích |
|---|---------------------------------------|--|------------------------|---------------|---------------|
| Công ty con: | | | | | |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch | Cung cấp nước sạch và dịch vụ lắp đặt | KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam | 52,44% | 52,44% | 52,44% |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh | Cung cấp nước sạch và dịch vụ lắp đặt | Số 02 Bis, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam | 51,00% | 51,00% | 51,00% |
| Công ty liên kết: | | | | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai | Cung cấp nước sạch và dịch vụ lắp đặt | Số 52, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam | 36,00% | 36,00% | 36,00% |

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 gồm:

| Tên | Địa chỉ |
|-------------------------------|---|
| Chi nhánh Quản lý ghi thu | Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Biên Hòa | Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Long Bình | Số 493/15, Tổ 8, KP 9, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Thiện Tân | Số 329, đường Hoàng Văn Bôn, KP 21, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Nhơn Trạch | Số 327, đường Hoàng Văn Bôn, KP 21, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Vĩnh An | Tổ 1, KP 1, xã Trị An, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Xuân Lộc | Tổ 1, KP 7, xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Thạnh Phú | Số 119A, Lộ 768, khu phố Vàm, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam |
| Chi nhánh Cấp nước Long Thành | Số 113, Đường Lê Duẩn, khu Phước Hải, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam; Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính, cùng với các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Riêng đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là các khoản vay, tỷ giá áp dụng là tỷ giá chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn nắm giữ với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư khác được tính dựa trên giá trị hợp lý nếu giá trị hợp lý được xác định một cách đáng tin cậy. Nếu không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

3.5. Nợ phải thu

Nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, và phải thu khác theo nguyên tắc: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người mua là đơn vị độc lập với người bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị sau ban đầu

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

| | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 50 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 03 – 25 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 03 – 30 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 12 năm |
| ▪ Tài sản khác | 05 – 40 năm |

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị sau ban đầu

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu liên quan đến nhãn hiệu hàng hóa, quyền phát hành, danh sách khách hàng và các khoản mục tương tự về bản chất (kể cả trường hợp mua từ bên ngoài hoặc tạo ra từ nội bộ Công ty) luôn được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất từ 20 đến 48 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Chi phí quy hoạch bản đồ

Chi phí quy hoạch bản đồ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 25 năm.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và các khoản khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 07 đến 36 tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn II phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ theo dòng đời của dự án (486 tháng) vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là các khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán thành phẩm, cung cấp dịch vụ, bao gồm các khoản lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí vật tư xuất dùng cho hoạt động xây lắp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với hoạt động kinh doanh cung cấp nước sạch theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài chính áp dụng cho đơn vị xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung cấp nước sạch: 0% và 5%;
- Dịch vụ lắp đặt công trình từ nguồn kinh phí công cộng: Không chịu thuế;
- Dịch vụ lắp đặt khác: 10%;
- Cung cấp nước tinh khiết đóng chai: 0% và 10%.

Theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.19. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | Tại ngày 31/12/2025 VND | Tại ngày 01/01/2025 VND |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 226.439.067 | 46.775.299 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 44.532.065.759 | 25.620.268.140 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 30.000.000.000 | - |
| Cộng | 74.758.504.826 | 25.667.043.439 |

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng và lãi suất 4,75%/năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi kỳ hạn dưới 12 tháng được chi tiết như sau:

| Ngân hàng | Kỳ hạn | Lãi suất | Tại ngày 31/12/2025 VND | Tại ngày 01/01/2025 VND |
|--|-------------------|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | Từ 6 đến 12 tháng | Từ 4,8%/năm đến 6,1%/năm | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam | Từ 6 đến 12 tháng | Từ 5,0%/năm đến 5,4%/năm | 140.000.000.000 | 223.700.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 6 tháng | 5,0%/năm | 50.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Nam Á | 6 tháng | 7,0%/năm | 10.000.000.000 | - |
| Cộng | | | 500.000.000.000 | 553.700.000.000 |

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

| Tại ngày 31/12/2025 VND | | | | |
|---|-----------------|----------|-----------------|-----------------|
| Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý |
| Dự phòng | | | | |
| Đầu tư vào công ty con: | | | | |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trach (a) | 113.123.116.728 | - | 90.978.819.600 | 100.662.252.080 |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh (b) | 43.583.325.000 | - | 12.750.000.000 | 39.508.000.000 |
| Cộng | 103.728.819.600 | - | 103.728.819.600 | - |

Tại ngày 01/01/2025
VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025
VND

Tại ngày 01/01/2025
VND

| Đầu tư vào công ty liên kết | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
|---|----------------|----------------|------------------|----------------|----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (c) | 7.800.368.003 | 27.183.240.000 | - | 7.800.368.003 | 17.306.100.000 | - |
| Đầu tư vào đơn vị khác: | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân (d) | 50.000.000.000 | (*) | (20.843.452.982) | 50.000.000.000 | (*) | (19.036.243.451) |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi (e) | 4.530.000.000 | 6.061.400.000 | - | 2.030.000.000 | 3.100.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (f) | 2.179.842.490 | 4.985.174.700 | - | 2.179.842.490 | 7.251.163.200 | - |
| Cộng | 56.709.842.490 | | (20.843.452.982) | 54.209.842.490 | | (19.036.243.451) |

(a) Khoản đầu tư chiếm 52,44% vốn điều lệ của CTCP Cấp nước Nhơn Trạch, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam, giao dịch trên sàn UPCoM với Mã chứng khoán là NTW. Ngành nghề hoạt động chính của CTCP Cấp nước Nhơn Trạch là khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước.

(b) Khoản đầu tư chiếm 51,00% vốn điều lệ của CTCP Cấp nước Long Khánh, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam, giao dịch trên sàn UPCoM với Mã chứng khoán là LKW. Ngành nghề hoạt động chính của CTCP Cấp nước Long Khánh là khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước.

(c) Khoản đầu tư chiếm 36,00% vốn điều lệ của CTCP Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam, giao dịch trên sàn UPCoM với Mã chứng khoán là DVW. Ngành nghề hoạt động chính của CTCP Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai là cung cấp nước sạch và dịch vụ lắp đặt.

(d) Khoản đầu tư chiếm 7,84% vốn điều lệ của CTCP Cấp nước Gia Tân, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Ngành nghề hoạt động chính của CTCP Cấp nước Gia Tân là khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---------------------|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Số đầu năm | 19.036.243.451 | 16.474.988.870 |
| Trích lập trong năm | 1.807.209.531 | 2.561.254.581 |
| Số cuối năm | 20.843.452.982 | 19.036.243.451 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trán Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Tại ngày 31/12/2025 VND | Tại ngày 01/01/2025 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7 | 8.222.342.335 | 4.575.895.155 |
| Phải thu từ khách hàng: | | |
| Hợp tác xã An Hòa | 5.261.110.850 | 5.261.071.175 |
| Các khách hàng khác (*) | 26.344.725.755 | 26.017.688.636 |
| Cộng | 39.828.178.940 | 35.854.654.966 |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

| | Tại ngày 31/12/2025 VND | | Tại ngày 01/01/2025 VND | |
|--|----------------------------|-----------------|----------------------------|-----------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Cổ tức phải thu từ bên liên quan – Xem thêm Mục 7 | 171.018.000 | - | - | - |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn | 8.164.178.082 | - | 7.570.421.095 | - |
| Tam ứng vật tư lắp đặt tuyến cấp nước D300 dọc đường ven sông Đồng Nai | 6.403.648.990 | - | 4.014.591.980 | - |
| Phải thu liên quan đến Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 1 | 4.016.570.551 | (3.770.820.351) | 4.016.570.551 | (3.770.820.351) |
| Các khoản phải thu khác (*) | 2.257.322.848 | - | 7.355.688.989 | - |
| Cộng | 21.012.738.471 | (3.770.820.351) | 22.957.272.615 | (3.770.820.351) |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản phải thu khác có số dư mỗi khoản phải thu dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Nợ xấu

Giá gốc các khoản nợ phải thu quá hạn hoặc nợ phải thu khác chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

| | Tại ngày 31/12/2025 VND | Tại ngày 01/01/2025 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu khách hàng quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên | 8.984.204.836 | 9.766.310.469 |
| Phải thu khác liên quan đến Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn I (*) | 3.770.820.351 | 3.770.820.351 |
| Cộng | 12.755.025.187 | 13.537.130.820 |

(*) Khoản phải thu lại các nhà thầu thuộc Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn I do cắt giảm giá trị khối lượng các gói thầu theo Thông báo số 458/TB-KV XIII ngày 28/12/2018 của Kiểm toán Nhà nước. Khoản này không bao gồm thuế giá trị gia tăng phải thu lại ngân sách Nhà nước, với tổng giá trị là 245.750.200 VND.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---------------------|-----------------|-----------------|
| Số đầu năm | 5.290.294.125 | 1.519.473.774 |
| Trích lập trong năm | - | 3.770.820.351 |
| Số cuối năm | 5.290.294.125 | 5.290.294.125 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Hàng tồn kho**

| | Tại ngày 31/12/2025 | | Tại ngày 01/01/2025 | |
|-----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 41.647.956.998 | - | 37.738.244.114 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 223.967.984 | - | 270.494.513 | - |
| Thành phẩm | 117.549.121 | - | 66.406.443 | - |
| Cộng | 41.989.474.103 | - | 38.075.145.070 | - |

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Tại ngày 31/12/2025 VND | Tại ngày 01/01/2025 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn II (*) | 88.706.392.139 | 88.706.392.139 |
| Dự án tuyến ống cấp nước Cảng hàng không quốc tế Long Thành | 21.696.232.593 | 21.391.951.593 |
| Các dự án khác | 42.117.533.850 | 48.150.837.362 |
| Cộng | 152.520.158.582 | 158.249.181.094 |

(*) Là chi phí phát sinh thực tế của giai đoạn thiết kế chi tiết và hỗ trợ đấu thầu của Dự án xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2 với tổng mức đầu tư là 3.567.712.000.000 VND. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Dự án hiện đang tạm dừng để hoàn thiện hồ sơ pháp lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc dùng vốn vay có vốn hỗ trợ phát triển của Chính phủ.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá: | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | TSCĐ hữu hình khác VND | Cộng VND |
|--|-------------------------------|--------------------------|--|----------------------------------|---------------------------|-------------------|
| Tại ngày 01/01/2025 | 951.513.733.408 | 1.180.720.602.167 | 2.961.877.716.771 | 37.955.219.872 | 7.903.376.124 | 5.139.970.648.342 |
| Mua trong năm | 147.371.457 | 4.365.594.816 | 2.532.637.018 | 785.838.481 | 261.876.360 | 8.093.318.132 |
| XDCB hoàn thành | 383.335.706 | 11.434.418.354 | 183.275.690.723 | 346.525.926 | - | 195.439.970.709 |
| Giảm do quyết toán vốn đầu tư hoàn thành | - | (4.927.197.629) | - | - | - | (4.927.197.629) |
| Giảm khác | - | (223.356.791) | - | - | - | (223.356.791) |
| Tại ngày 31/12/2025 | 952.044.440.571 | 1.191.370.060.917 | 3.147.686.044.512 | 39.087.584.279 | 8.165.252.484 | 5.338.353.382.763 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 585.917.818.158 | 943.165.867.763 | 1.539.660.950.025 | 37.564.204.052 | 7.329.770.724 | 3.113.638.610.722 |
| Khấu hao trong năm | 36.304.257.894 | 66.082.539.305 | 180.563.943.553 | 390.361.179 | 145.075.429 | 283.486.177.360 |
| Giảm do quyết toán vốn đầu tư hoàn thành | - | (505.353.604) | - | - | - | (505.353.604) |
| Giảm khác | - | (16.405.586) | - | - | - | (16.405.586) |
| Phân loại lại | (351.135.043) | 351.135.043 | - | - | - | - |
| Tại ngày 31/12/2025 | 621.870.941.009 | 1.009.077.782.921 | 1.720.224.893.578 | 37.954.565.231 | 7.474.846.153 | 3.396.603.028.892 |
| Giá trị còn lại: | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 365.595.915.250 | 237.554.734.404 | 1.422.216.766.746 | 391.015.820 | 573.605.400 | 2.026.332.037.620 |
| Tại ngày 31/12/2025 | 330.173.499.562 | 182.292.277.996 | 1.427.461.150.934 | 1.133.019.048 | 690.406.331 | 1.941.750.353.871 |



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trán Biền, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 826.362.678.332 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.14.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.032.246.714.145 VND.

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VND | Chi phí quy hoạch bản đồ VND | Chương trình phần mềm máy tính VND | Cộng VND |
|-------------------------|-----------------------------|------------------------------------|--|-----------------|
| Nguyên giá: | | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 369.091.830.176 | 2.814.843.027 | 2.024.705.088 | 373.931.378.291 |
| Mua trong năm | - | - | 38.250.000 | 38.250.000 |
| Tại ngày 31/12/2025 | 369.091.830.176 | 2.814.843.027 | 2.062.955.088 | 373.969.628.291 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 75.306.474.872 | 1.956.921.393 | 2.024.705.088 | 79.288.101.353 |
| Khấu hao trong năm | 7.679.127.360 | 57.232.920 | 349.597 | 7.736.709.877 |
| Tại ngày 31/12/2025 | 82.985.602.232 | 2.014.154.313 | 2.025.054.685 | 87.024.811.230 |
| Giá trị còn lại: | | | | |
| Tại ngày 01/01/2025 | 293.785.355.304 | 857.921.634 | - | 294.643.276.938 |
| Tại ngày 31/12/2025 | 286.106.227.944 | 800.688.714 | 37.900.403 | 286.944.817.061 |

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình là 280.229.941.092 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.14.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.449.269.088 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Chi phí trả trước**

| | Tại ngày 31/12/2025 VND | Tại ngày 01/01/2025 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngắn hạn: | | |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 85.337.464 | 116.143.702 |
| Các khoản khác | 223.870.820 | 290.341.463 |
| Cộng | 309.208.284 | 406.485.165 |
| Dài hạn: | | |
| Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng của | | |
| Dự án hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn II | 19.423.337.484 | 19.692.373.360 |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 2.894.679.985 | 2.976.055.112 |
| Các khoản khác | 4.849.066.093 | 1.183.128.722 |
| Cộng | 27.167.083.562 | 23.851.557.194 |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2025 VND | | Tại ngày 01/01/2025 VND | |
|---|----------------------------|-----------------------|----------------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 7 | 1.191.530.414 | 1.191.530.414 | 17.214.260.369 | 17.214.260.369 |
| Phải trả cho người bán: | | | | |
| Công ty Cổ phần DNP Holdings | 5.129.654.495 | 5.129.654.495 | 5.364.279.993 | 5.364.279.993 |
| Công ty TNHH Thương mại N.T.P | 4.414.140.456 | 4.414.140.456 | 5.304.915.340 | 5.304.915.340 |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật Á Châu | 4.309.306.247 | 4.309.306.247 | 4.250.435.333 | 4.250.435.333 |
| Phải trả cho các đối tượng khác (*) | 23.632.462.484 | 23.632.462.484 | 15.942.888.396 | 15.942.888.396 |
| Cộng | 38.677.094.096 | 38.677.094.096 | 48.076.779.431 | 48.076.779.431 |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Tại ngày 31/12/2025 VND | | Trong năm VND | | Tại ngày 01/01/2025 VND | |
|-------------------------------|----------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|----------------------------|-----------------------|
| | Phải nộp | Phải nộp | Phải nộp | Đã nộp | Phải nộp | Phải nộp |
| Thuế giá trị gia tăng | 834.493.212 | 21.710.810.516 | 21.710.810.516 | 21.137.319.470 | 261.002.166 | 261.002.166 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.508.939.016 | 29.446.718.071 | 29.446.718.071 | 35.882.150.905 | 7.944.371.850 | 7.944.371.850 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 610.620.816 | 6.398.030.923 | 6.398.030.923 | 6.195.700.181 | 408.290.074 | 408.290.074 |
| Thuế tài nguyên | 499.538.220 | 6.009.043.430 | 6.009.043.430 | 6.000.497.480 | 490.992.270 | 490.992.270 |
| Thuế nhà đất và tiền thuế đất | - | 1.143.749.578 | 1.143.749.578 | 1.143.749.578 | - | - |
| Các loại thuế khác | - | 12.000.000 | 12.000.000 | 12.000.000 | - | - |
| Các khoản phí, lệ phí | 7.709.037.197 | 57.671.473.780 | 57.671.473.780 | 53.794.118.512 | 3.831.681.929 | 3.831.681.929 |
| Cộng | 11.162.628.461 | 122.391.826.298 | 122.391.826.298 | 124.165.536.126 | 12.936.338.289 | 12.936.338.289 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Phải trả người lao động

Là quỹ tiền lương và thưởng còn phải trả cho người lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

4.14. Vay

| | Tại ngày 31/12/2025 | | Trong năm | | Tại ngày 01/01/2025 | |
|---|---------------------|-----------------------|-----------------|-----------------|---------------------|-----------------------|
| | VND | | VND | | VND | |
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Táng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay dài hạn đến hạn trả: | | | | | | |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai | 89.558.295.741 | 89.558.295.741 | 89.558.295.741 | 140.893.767.564 | 140.893.767.564 | 140.893.767.564 |
| Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai | 69.796.364.330 | 69.796.364.330 | 69.796.364.330 | 69.100.638.000 | 69.100.638.000 | 69.100.638.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Đồng Nai | 5.066.400.000 | 5.066.400.000 | 5.066.400.000 | 8.547.218.907 | 8.547.218.907 | 8.547.218.907 |
| Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh | 3.175.572.194 | 3.175.572.194 | 3.175.572.194 | 3.058.679.966 | 3.058.679.966 | 3.058.679.966 |
| Ngân hàng TMCP MTV Shinhhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa | 1.600.769.244 | 1.600.769.244 | 1.600.769.244 | 1.600.769.244 | 1.600.769.244 | 1.600.769.244 |
| Cộng | 169.197.401.509 | 169.197.401.509 | 169.197.401.509 | 223.201.073.681 | 223.201.073.681 | 223.201.073.681 |



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

| Vay dài hạn: | Tại ngày 31/12/2025 | | Trong năm | | Tại ngày 01/01/2025 | |
|--|---------------------|-----------------------|-----------------|-----------------|---------------------|-----------------------|
| | VND | | VND | | VND | |
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai | 237.193.340.914 | 237.193.340.914 | 19.436.670.600 | 97.229.828.274 | 314.986.498.588 | 314.986.498.588 |
| Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai | 224.589.824.000 | 224.589.824.000 | 90.125.819.000 | 72.305.564.330 | 206.769.569.330 | 206.769.569.330 |
| Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh | 44.472.756.511 | 44.472.756.511 | 1.914.641.885 | 3.332.179.179 | 45.890.293.805 | 45.890.293.805 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Đồng Nai | 18.818.668.505 | 18.818.668.505 | - | 5.066.400.000 | 23.885.068.505 | 23.885.068.505 |
| Ngân hàng TMCP MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa | 3.601.730.801 | 3.601.730.801 | - | 1.600.769.244 | 5.202.500.045 | 5.202.500.045 |
| Cộng | 528.676.320.731 | 528.676.320.731 | 111.477.131.485 | 179.534.741.027 | 596.733.930.273 | 596.733.930.273 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

- Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai:
 - Hạn mức vay: 6.361.000.000 JPY và 41.000.000 USD.
 - Thời hạn vay: 18 đến 25 năm.
 - Lãi suất: 0,75%/năm – 3,53%/năm.
 - Mục đích vay: Đầu tư các hạng mục của dự án "Cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn I"; Đầu tư các hạng mục của dự án "Xây dựng mở rộng Hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn II".
 - Tài sản đảm bảo: Tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 412.525.109.879 VND – Xem thêm Mục 4.8; Tài sản cố định vô hình của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 280.125.519.312 VND – Xem thêm Mục 4.9.
- Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai:
 - Hạn mức vay: Từ 2.150.000.000 VND đến 68.000.000.000 VND.
 - Thời hạn vay: 03 đến 10 năm.
 - Lãi suất: 7,00%/năm.
 - Mục đích vay: Đầu tư xây dựng cơ bản các dự án.
 - Tài sản đảm bảo: Tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 348.985.686.033 VND – Xem thêm Mục 4.8.
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh:
 - Hạn mức vay: 14.910.000.000 JPY.
 - Thời hạn vay: 25 năm.
 - Lãi suất: 1,4%/năm.
 - Mục đích vay: Đầu tư các hạng mục của dự án "Cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn II".
 - Tài sản đảm bảo: Tài sản cố định hình thành trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Đồng Nai:

Hạn mức vay: Từ 3.839.000.000 VND đến 16.106.000.000 VND.

Thời hạn vay: 10 năm.

Lãi suất: 7,375%/năm – 7,4%/năm.

Mục đích vay: Đầu tư xây dựng cơ bản các dự án.

Tài sản đảm bảo: Tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 58.195.860.410 VND – Xem thêm Mục 4.8;

Tài sản cố định vô hình của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 104.421.780 VND – Xem thêm Mục 4.9.

- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa:

Hạn mức vay: 22.209.000.000 VND.

Thời hạn vay: 06 năm.

Lãi suất: 6,24%/năm.

Mục đích vay: Đầu tư các hạng mục của dự án "Lắp đặt đường ống nước ở KCN Tân Đức, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận" và "Lắp đặt song chắn rác tại đầu ống thu nước thô D1800 ở nhà máy nước Thanh Phú, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai".

Tài sản đảm bảo: Tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 6.656.022.010 VND – Xem thêm Mục 4.8.

4.15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tại ngày 01/01/2025
Trích trong năm
Chi trong năm

| Quỹ khen thưởng VND | Quỹ phúc lợi VND | Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành VND | Cộng VND |
|---------------------------|------------------------|---|------------------|
| 26.641.197.850 | 28.571.270.154 | 11.270.086 | 55.223.738.090 |
| 14.254.017.757 | 14.254.017.756 | 985.500.000 | 29.493.535.513 |
| (4.069.329.914) | (25.552.710.780) | (996.770.086) | (30.618.810.780) |
| 36.825.885.693 | 17.272.577.130 | - | 54.098.462.823 |

Tại ngày 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16. Vốn chủ sở hữu

4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu | | | | Cộng VND |
|--|------------------------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------------------|-------------------|
| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 1.200.000.000.000 | 115.307.706.961 | 177.796.296.128 | 645.801.946.618 | 2.138.905.949.707 |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | 327.958.565.929 | 327.958.565.929 |
| Trích lập các quỹ | - | - | 86.971.796.291 | (116.934.395.054) | (29.962.598.763) |
| Chia cổ tức | - | - | - | (144.000.000.000) | (144.000.000.000) |
| Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty (**) | - | - | - | (7.888.059.864) | (7.888.059.864) |
| Tại ngày 01/01/2025 | 1.200.000.000.000 | 115.307.706.961 | 264.768.092.419 | 704.938.057.629 | 2.285.013.857.009 |
| Lãi trong năm nay | - | - | - | 271.449.235.496 | 271.449.235.496 |
| Trích lập các quỹ | - | - | 85.524.106.539 | (115.017.642.052) | (29.493.535.513) |
| Chia cổ tức (*) | - | - | - | (192.000.000.000) | (192.000.000.000) |
| Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty (**) | - | - | - | (7.888.059.864) | (7.888.059.864) |
| Tại ngày 31/12/2025 | 1.200.000.000.000 | 115.307.706.961 | 350.292.198.958 | 661.481.591.209 | 2.327.081.497.128 |

(*) Cổ tức được chia theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025.

(**) Là khoản lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện tại thời điểm cổ phần hóa năm 2014. Hằng năm, Công ty phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp trong trường hợp phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hoặc bù trừ trong trường hợp phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá khi thanh toán các khoản vay có nguồn vốn ngoại của Chính phủ – Xem thêm Mục 7.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

| | Tại ngày 31/12/2025 VND | Tại ngày 01/01/2025 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp | 767.869.200.000 | 767.869.200.000 |
| Vốn góp của các đối tượng khác | 432.130.800.000 | 432.130.800.000 |
| Cộng | 1.200.000.000.000 | 1.200.000.000.000 |

4.16.3. Cổ phiếu

| | Tại ngày 31/12/2025 | Tại ngày 01/01/2025 |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 120.000.000 | 120.000.000 |

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.16.4. Cổ tức

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|--------------------|--------------------|
| Số dư đầu năm | 388.835.000 | 467.895.900 |
| Cổ tức phải trả | 192.000.000.000 | 144.000.000.000 |
| Cổ tức đã trả | (191.932.557.600) | (144.079.060.900) |
| Số dư cuối năm | 456.277.400 | 388.835.000 |
| Trong đó, cổ tức đã trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 7 | 124.842.246.400 | 92.191.684.800 |

4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

| | Tại ngày 31/12/2025 | Tại ngày 01/01/2025 |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| Ngoại tệ các loại: | | |
| USD | 23.098,63 | 23.098,63 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu cung cấp nước sạch | 1.091.577.597.610 | 1.091.235.873.039 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt | 28.425.563.445 | 24.816.881.302 |
| Doanh thu bán nước tinh khiết | 4.154.750.000 | 3.426.613.000 |
| Cộng | 1.124.157.911.055 | 1.119.479.367.341 |
| Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 7 | 214.808.492.652 | 216.313.592.258 |

5.2. Giá vốn hàng bán

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn cung cấp nước sạch | 670.944.324.437 | 660.069.220.318 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt | 19.720.835.372 | 14.289.451.799 |
| Giá vốn bán nước tinh khiết | 3.470.884.115 | 3.187.828.965 |
| Cộng | 694.136.043.924 | 677.546.501.082 |

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Cổ tức được chia từ các bên liên quan – Xem thêm Mục 7 | 18.515.922.000 | 9.796.148.000 |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 24.018.438.597 | 20.588.414.709 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 1.065.226.937 | 3.011.283.023 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | 47.642.456.443 |
| Cộng | 43.599.587.534 | 81.038.302.175 |

5.4. Chi phí tài chính

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay | 27.177.843.154 | 29.458.328.179 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 21.346.300.134 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 1.432.148.102 | 3.823.130.172 |
| Dự phòng tổn thất đầu tư | 1.807.209.531 | 2.561.254.581 |
| Các khoản khác | - | 80.000.000 |
| Cộng | 51.763.500.921 | 35.922.712.932 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí bán hàng**

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|----------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Chi phí nhân viên | 26.980.770.472 | 26.739.810.462 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 25.313.034.560 | 22.661.772.368 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 627.904.554 | 897.751.034 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 324.478.984 | 391.484.893 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.331.484.199 | 4.594.714.445 |
| Chi phí khác bằng tiền | 6.006.039.676 | 5.903.693.495 |
| Cộng | 64.583.712.445 | 61.189.226.697 |

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|----------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Chi phí nhân viên | 46.864.316.645 | 45.927.310.834 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 400.000.666 | 293.619.636 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 1.423.026.243 | 1.651.885.117 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.003.116.781 | 808.912.965 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | - | 3.770.820.351 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 665.914.311 | 992.320.159 |
| Chi phí khác bằng tiền | 9.906.262.753 | 9.767.557.278 |
| Cộng | 60.265.637.399 | 63.215.426.340 |

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|----------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 69.573.373.070 | 61.479.452.393 |
| Chi phí nhân công | 235.654.940.506 | 234.180.510.913 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 290.701.128.047 | 296.012.992.923 |
| Chi phí dự phòng | - | 3.770.820.351 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 148.738.276.678 | 129.486.687.911 |
| Chi phí khác bằng tiền | 74.368.818.145 | 73.296.870.065 |
| Cộng | 819.036.536.446 | 798.227.334.556 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm | 300.895.953.567 | 364.497.954.832 |
| Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng | 2.080.141.523 | 2.483.682.643 |
| Trừ: Thu nhập được miễn thuế | (18.515.922.000) | (9.796.148.000) |
| Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh | 284.460.173.090 | 357.185.489.475 |
| Trong đó: | | |
| - Thu nhập áp dụng thuế suất phổ thông 20% | 10.007.007.622 | 9.972.657.844 |
| - Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 10%) | 274.453.165.468 | 347.212.831.631 |
| Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh | 29.446.718.071 | 36.715.814.732 |
| Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước | - | (176.425.829) |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 29.446.718.071 | 36.539.388.903 |

Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/ thu nhập khi tính thuế TNDN.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 90.125.819.000 | 122.371.634.717 |

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | (233.533.400.848) | (220.768.322.080) |

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

| | |
|--|--------------------------|
| 1. Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp | Công ty mẹ |
| 2. Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch | Công ty con |
| 3. Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh | Công ty con |
| 4. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai | Công ty liên kết |
| 5. Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi | Công ty cùng Tập đoàn |
| 6. Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai | Công ty cùng Tập đoàn |
| 7. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai | Công ty cùng Tập đoàn |
| 8. Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai | Công ty cùng Tập đoàn |
| 9. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 | Công ty cùng Tập đoàn |
| 10. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành | Công ty cùng Tập đoàn |
| 11. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình | Công ty cùng Tập đoàn |
| 12. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình | Công ty cùng Tập đoàn |
| 13. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức | Công ty cùng Tập đoàn |
| 14. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi | Công ty cùng Tập đoàn |
| 15. Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai | Công ty cùng Tập đoàn |
| 16. Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai | Công ty cùng Tập đoàn |
| 17. Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi | Công ty cùng Tập đoàn |
| 18. Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền | Công ty cùng Tập đoàn |
| 19. Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận | Công ty cùng Tập đoàn |
| 20. Công ty TNHH MTV BOT 768 | Công ty cùng Tập đoàn |
| 21. Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

| | Tại ngày 31/12/2025 VND | Tại ngày 01/01/2025 VND |
|---|--|--|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng: | | |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch | 4.578.034.125 | 4.456.689.825 |
| Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành | 3.478.341.930 | 6.264.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai | 104.461.980 | 106.513.980 |
| Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận | 49.370.475 | - |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai | 8.821.075 | 5.554.500 |
| Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi | 1.425.600 | - |
| Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức | 993.600 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai | 893.550 | - |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 | - | 872.850 |
| Cộng – Xem thêm Mục 4.3 | 8.222.342.335 | 4.575.895.155 |
| Cổ tức phải thu – Xem thêm Mục 4.4: | | |
| Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức | 171.018.000 | - |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

| | Tại ngày 31/12/2025 VND | Tại ngày 01/01/2025 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải trả người bán ngắn hạn: | | |
| Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình | 1.175.289.429 | 16.842.744.814 |
| Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi | 16.240.985 | 19.706.124 |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch | - | 351.809.431 |
| Cộng – Xem thêm Mục 4.11 | 1.191.530.414 | 17.214.260.369 |
| Người mua trả tiền trước dài hạn: | | |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| Phải trả ngắn hạn khác về các khoản nhận đặt cọc: | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai | 2.400.000 | 2.400.000 |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch | 900.000 | 900.000 |
| Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai | 400.000 | - |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai | 300.000 | 300.000 |
| Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi | - | 4.260.000 |
| Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai | - | 4.800.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai | - | 120.000 |
| Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận | - | 150.000 |
| Cộng | 4.000.000 | 12.930.000 |

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Bán hàng và cung cấp dịch vụ: | | |
| Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành | 74.637.941.900 | 79.090.295.800 |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch | 57.017.194.277 | 48.575.520.000 |
| Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình | 54.242.745.173 | 56.651.334.190 |
| Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền | 24.869.641.500 | 27.001.505.400 |
| Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi | 1.894.346.000 | 2.769.945.427 |
| Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai | 586.584.000 | 700.143.600 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 | 533.452.302 | 457.555.700 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai | 318.708.000 | 339.545.618 |
| Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình | 128.246.600 | 194.856.173 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai | 83.345.500 | 72.504.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai | 79.343.900 | 85.119.350 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai | 76.256.500 | 71.001.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi | 74.163.500 | 34.373.500 |
| Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai | 73.678.500 | 84.560.000 |
| Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận | 71.239.500 | 16.140.000 |
| Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi | 64.920.000 | 120.750.000 |
| Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp | 37.410.000 | 28.940.000 |
| Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức | 11.283.000 | 19.502.500 |
| Công ty TNHH MTV BOT 768 | 7.992.500 | - |
| Cộng – Xem thêm Mục 5.1 | 214.808.492.652 | 216.313.592.258 |
| Cổ tức được chia: | | |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch | 7.865.604.000 | 5.243.736.000 |
| Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh | 7.646.700.000 | 2.550.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai | 2.532.600.000 | 1.688.400.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi | 300.000.000 | 200.000.000 |
| Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức | 171.018.000 | 114.012.000 |
| Cộng – Xem thêm Mục 5.3 | 18.515.922.000 | 9.796.148.000 |
| Chi trả cổ tức: | | |
| Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp | 122.859.072.000 | 92.144.304.000 |
| Ông Nguyễn Văn Thiên – Thành viên HĐQT | 1.920.000.000 | - |
| Ông Nguyễn Công Hiếu – Thành viên HĐQT | 4.000.000 | 3.000.000 |
| Ông Nguyễn Cao Hà – Phó Giám đốc | 32.000 | 24.000 |
| Bà Nguyễn Thu Oanh – Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 09 năm 2025) | 59.142.400 | 44.356.800 |
| Cộng – Xem thêm Mục 4.16.4 | 124.842.246.400 | 92.191.684.800 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

| | Năm 2025 VND | Năm 2024 VND |
|---|-------------------------|-------------------------|
| Thu nhập khác: | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai – Chuyển nhượng điện | 172.801.619 | 210.613.211 |
| Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai – Thuê mặt bằng | 40.000.000 | 36.000.000 |
| Cộng | 212.801.619 | 246.613.211 |
| Chi phí vệ sinh, chăm sóc cây xanh: | | |
| Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi | 242.749.170 | 258.436.757 |
| Chi phí xử lý nước thải: | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi | 89.784.074 | 77.967.963 |
| Chi phí thi công: | | |
| Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình | 27.059.707.548 | 58.227.978.862 |
| Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp – Xem thêm Mục 4.6: | | |
| Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp | 7.888.059.864 | 7.888.059.864 |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm như sau:

| Tên | Chức vụ | Năm 2025 VND | | | Năm 2024 VND | | |
|-----------------------|---|-----------------|---------------|---------------|-----------------|---------------|---------------|
| | | Thù lao | Lương | Cộng | Thù lao | Lương | Cộng |
| Bà Phạm Thị Hồng | Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 28/02/2025) Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 28/02/2025) | 216.000.000 | 1.440.318.200 | 1.656.318.200 | 236.000.000 | 1.643.511.200 | 1.879.511.200 |
| Ông Trần Văn Nguyên | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2025) | 80.000.000 | 1.189.725.000 | 1.269.725.000 | - | 445.940.000 | 445.940.000 |
| Ông Đặng Văn Chất | Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 28/02/2025) Phó Giám đốc | 216.000.000 | 1.168.710.000 | 1.384.710.000 | 246.000.000 | 1.325.160.000 | 1.571.160.000 |
| Ông Nguyễn Cao Hà | Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc | 296.000.000 | 1.165.990.000 | 1.461.990.000 | 216.000.000 | 1.332.800.000 | 1.548.800.000 |
| Ông Nguyễn Văn Thiện | Thành viên HĐQT | 256.000.000 | - | 256.000.000 | 216.000.000 | - | 216.000.000 |
| Ông Võ Văn Bình | Thành viên HĐQT | 256.000.000 | - | 256.000.000 | 216.000.000 | - | 216.000.000 |
| Ông Phạm Anh Tuấn | Thành viên HĐQT | 256.000.000 | - | 256.000.000 | 216.000.000 | - | 216.000.000 |
| Ông Nguyễn Công Hiếu | Thành viên HĐQT | 256.000.000 | - | 256.000.000 | 216.000.000 | - | 216.000.000 |
| Ông Lê Thành Trung | Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2025) | - | 627.317.000 | 627.317.000 | - | - | - |
| Ông Nguyễn Quang Minh | Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 26/07/2024) | - | - | - | - | 719.760.000 | 719.760.000 |
| Bà Nguyễn Thu Oanh | Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ ngày 26/09/2025) | - | 795.828.000 | 795.828.000 | - | 1.113.387.800 | 1.113.387.800 |
| Bà Nguyễn Bách Thảo | Phụ trách kế toán (Bổ nhiệm từ ngày 26/09/2025) | - | 99.369.818 | 99.369.818 | - | - | - |
| Cộng | | 1.832.000.000 | 6.487.258.018 | 8.319.258.018 | 1.562.000.000 | 6.580.559.000 | 8.142.559.000 |

11/03/2025 5:51:20

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao và thu nhập của Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

| Tên | Chức vụ | Năm 2025 VND | | | Năm 2024 VND | | |
|----------------------|------------|-----------------|-------------|---------------|-----------------|---------------|---------------|
| | | Thù lao | Lương | Cộng | Thù lao | Lương | Cộng |
| Bà Lê Thị Ngọc Sáu | Trưởng Ban | - | 987.169.800 | 987.169.800 | - | 1.124.020.000 | 1.124.020.000 |
| Ông Nguyễn An Quốc | Thành viên | 115.000.000 | - | 115.000.000 | 130.000.000 | - | 130.000.000 |
| Ông Nguyễn Duy Khang | Thành viên | 115.000.000 | - | 115.000.000 | 125.000.000 | - | 125.000.000 |
| Cộng | | 230.000.000 | 987.169.800 | 1.217.169.800 | 255.000.000 | 1.124.020.000 | 1.379.020.000 |

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2025 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



[Signature]

Trần Văn Nguyên
Giám đốc

Nguyễn Bách Thảo
Phụ trách kế toán

[Signature]

Trần Hoàng Anh Phương
Người lập

Đồng Nai, ngày 11 tháng 02 năm 2026



Số: 01/BC-CN-BKS

Trần Biên, ngày 09 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

**Về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh năm 2025
tại Công ty CP Cấp nước Đồng Nai**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 tại Công ty CP cấp nước Đồng Nai (Công ty) với các nội dung như sau:

A. BÁO CÁO KIỂM TRA, GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025.

I. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam, Ban kiểm soát đã thẩm định và thống nhất Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY:

1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025:

Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 thể hiện qua một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

| Stt | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | Thực hiện năm 2024 | Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch | Tỷ lệ năm nay/năm trước |
|-----|--|------|-------------------|--------------------|--------------------|--------------------------|-------------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tr.đ | 1.190.000 | 1.174.524 | 1.207.086 | 98,70% | 97,30% |
| | Tổng doanh thu (Loại CLTG chưa thực hiện) | Tr.đ | 1.190.000 | 1.174.524 | 1.159.443 | 98,70% | 101,30% |
| | - Doanh thu SXKD nước | Tr.đ | 1.130.000 | 1.091.578 | 1.091.236 | 96,60% | 100,03% |
| | - Doanh thu lắp đặt | Tr.đ | 24.900 | 28.425 | 24.817 | 114,16% | 114,54% |
| | - Doanh thu nước Doriv | Tr.đ | 4.100 | 4.155 | 3.427 | 101,34% | 121,24% |
| | - Doanh thu HĐ tài chính | Tr.đ | 25.000 | 43.599 | 81.038 | 174,40% | 53,80% |
| | + D.thu đầu tư tài chính | | 25.000 | 43.599 | 33.396 | | |
| | + D.thu CLTG chưa TH | | | | 47.642 | | |
| | - Thu nhập khác | Tr.đ | 6.000 | 6.767 | 6.568 | 112,78% | 103,03% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đ | 300.000 | 300.896 | 364.497 | 100,30% | 82,55% |
| | - LNTT hoạt động SXKD | Tr.đ | 300.000 | 322.242 | 316.855 | 107,41% | 101,70% |
| | - LNTT CLTG chưa TH | Tr.đ | | (21.346) | 47.642 | | |
| 3 | Thuế TNDN | Tr.đ | 30.000 | 29.447 | 36.539 | 98,16% | 80,59% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đ | 270.000 | 271.449 | 327.958 | 100,54% | 82,77% |
| | - LNST hoạt động SXKD | Tr.đ | 270.000 | 290.661 | 285.080 | 107,65% | 101,96% |
| | - LNST CLTG chưa TH | Tr.đ | | (19.212) | 42.878 | | |
| 5 | Phải nộp NSNN | Tr.đ | 120.000 | 122.392 | 123.074 | 101,99% | 99,45% |
| 6 | Đầu tư XD cơ bản | Tr.đ | 497.000 | 202.738 | 248.743 | 40,79% | 81,51% |
| 7 | Tỷ lệ Thất thoát nước | % | 15% | 16% | 16,1% | + 1% | -0,1% |

- Năm 2025, Công ty hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận (Loại chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện đánh giá gốc ngoại tệ cuối kỳ) và nộp ngân sách. Tuy nhiên, chỉ tiêu doanh thu đạt 98,7% và đầu tư XD CB chỉ đạt 40,79% so với kế hoạch. Tỷ lệ thất thoát nước thực hiện bình quân 16%, giảm được 0,1% so với thực hiện năm 2024 nhưng tăng 1% so với kế hoạch đề ra 15%.

Lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo tài chính năm 2025 giảm 17,23% so với thực hiện năm 2024, nguyên nhân là do khi lập BCTC Công ty thực hiện đánh giá lại gốc ngoại tệ các khoản nợ vay vốn ODA đầu tư HTCN Nhơn Trạch (giai đoạn I,II), HTCN Thiện Tân (giai đoạn II) chưa đến hạn trả nợ, làm phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá (năm 2024 CLTG chưa thực hiện lãi 42.878 tỷ đồng, năm 2025 CLTG chưa thực hiện lỗ 19.212 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế TNDN từ hoạt động SXKD năm 2025 sau khi loại chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện đánh giá gốc ngoại tệ cuối kỳ tăng 7,65% so với kế hoạch và tăng 1,96% so với thực hiện năm 2024.

- Trong công tác sản xuất, các đơn vị/chi nhánh đã thực hiện tốt việc vận hành các nhà máy cũng như các chính sách Công ty đề ra góp phần hoàn thành kế hoạch chung của Công ty.

- Công tác tiết giảm chi phí tiếp tục được Ban điều hành Công ty quan tâm thực hiện tốt, qua đó giúp lợi nhuận đạt và vượt kế hoạch.

2. Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định

2.1. Tình hình tăng, giảm, khấu hao tài sản cố định:

- Tài sản cố định hữu hình tăng 203.533.288.841 đồng chủ yếu hình thành từ XDCB 195.439.970.709 đồng, mua sắm mới 8.093.318.132 đồng.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định trong năm là 291.222.887.237 đồng chiếm tỉ lệ 33,33% tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.2. Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản:

- Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản:

Năm 2025 thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản theo khối lượng hoàn thành đạt 40,79% (Thực hiện 202,74 tỷ đồng/Kế hoạch 497 tỷ đồng) chủ yếu là do những nguyên nhân sau:

+ Việc xin thỏa thuận về hướng tuyến, xin cấp phép thi công xây dựng công trình mất khá nhiều thời gian làm kéo dài thêm tiến độ dự án.

+ Một số dự án vướng thủ tục pháp lý về đất đai, quy hoạch.

- **Chi phí đầu tư xây dựng dở dang:** Đến ngày 31/12/2025 chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trên báo cáo tài chính là 152.520.158.582 đồng, bao gồm các công trình như sau:

| Stt | Công trình | Giá trị (đồng) |
|------------|--|------------------------|
| 1 | Dự án Nhơn Trạch GĐ1 | 2.238.320.772 |
| 2 | Dự án Nhơn Trạch GĐ2 | 88.706.392.139 |
| 3 | HTCN thị trấn Long Giao-huyện Cẩm Mỹ | 1.115.855.855 |
| 4 | Di dời trạm bơm nước thô nhà máy nước Biên Hòa | 1.099.774.000 |
| 5 | XD trạm xử lý bùn NMN Biên Hòa | 2.344.904.450 |
| 6 | Mở rộng nguồn cấp nước thô cho CNCN Nhơn Trạch- Thiện Tân | 1.064.870.838 |
| 7 | TOCN D300 dọc đường ven sông Đồng Nai | 538.357.829 |
| 8 | Lắp đặt TOCN khu vực dọc tuyến ĐT 767 xã Bắc Sơn, Tr. Bom | 563.896.363 |
| 9 | TOCN cho Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành | 21.696.232.593 |
| 10 | Hệ thống cấp nước xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom | 656.030.244 |
| 11 | Mở rộng mạng lưới cấp nước 06 xã huyện Vĩnh Cửu | 10.325.159.358 |
| 12 | Hệ thống cấp nước xã Long Đức, huyện Long Thành | 5.624.552.522 |
| 13 | Nâng cấp phần mềm Fast Business Online | 776.112.000 |
| 14 | Lắp đặt bộ sung TO truyền tải, phân phối 02 bên đường ĐT765 từ Quốc Lộ 1A đến nhà thờ Tin Lành Lang Minh, huyện Xuân Lộc | 540.716.140 |
| 15 | Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE OD355 tăng nguồn cho Khu Lọc Quân 2, P.Tam Phước và xã An Phước, Xã Long Đức, H.LT | 509.603.587 |
| 16 | Di dời ống gang DN600 đường 25B H.Nhơn Trạch | 2.153.764.857 |
| 17 | Tuyến ống cấp nước dọc 2 bên đường cung cấp cho các xã Xuân Định, Bào Hòa, Xuân Phú, Xuân Thọ và các xã lân cận | 574.387.080 |
| 18 | Hệ thống cấp nước Khu phố Vườn Dừa, phường Phước Tân | 630.017.087 |
| 19 | Các dự án khác | 11.361.210.868 |
| | Tổng cộng | 152.520.158.582 |

- Tình hình thực hiện dự án vốn ODA và một số dự án đang triển khai:

| STT | Dự án | Tình hình thực hiện |
|-----|---|--|
| 1 | HTCN Nhơn Trạch GDI, công suất 100.000m ³ /ngày | <p>- Ngày 22/01/2024, UBND tỉnh có văn bản số 891/UBND-KTN giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp các bên liên quan nghiên cứu hướng dẫn về chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án của Bộ Kế hoạch & Đầu tư tại Văn bản số 260/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 09/01/2024; Ngày 30/5/2024, Công ty có Văn bản số 428/CN-BQLDA gửi UBND tỉnh và Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh giải trình về việc xin điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo nội dung hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tiếp theo Công ty có văn bản số 717/CN-BQLDA ngày 28/7/2025, văn bản số 1051/CN-BQLDA ngày 24/10/2025 gửi UBND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai giải trình văn bản số 4515/STC-ĐT ngày 07/10/2025 của Sở Tài chính và văn bản số 7815/UBND-KTNS ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự án.</p> <p>- Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại thông báo số 458/TB-KV XIII ngày 28/12/2018, trong năm 2025 Công ty tiếp tục gửi các văn bản đề nghị Nhà thầu Liên danh Sông Đà 11-Sông Đà 25 hoàn trả tiền do cắt giảm giá trị khối lượng Gói thầu CP1-B; nhà thầu Gói thầu CP3; Trung tâm phát triển quỹ đất TP Biên Hòa hoàn trả tiền bồi thường do không thực hiện thu hồi đất. Tuy nhiên đến nay các đơn vị trên vẫn chưa hoàn trả tiền theo đề nghị.</p> |
| 2 | HTCN Nhơn Trạch GDII, công suất 100.000m ³ /ngày | <p>- Ngày 19/12/2024, UBND tỉnh có văn bản 15660/UBND-KTN gửi Bộ Tài Chính dừng vay vốn ODA, Bộ Tài chính có văn bản số 2618/BTC-QLN ngày 04/3/2025 đề nghị UBND tỉnh rà soát làm rõ hoàn chỉnh hồ sơ.</p> <p>- Giải trình văn bản 15661/UBND-KTN ngày 19/12/2024 và 2826/UBND-KTN ngày 20/3/2025, Công ty gửi UBND tỉnh và STC văn bản số 931/CN-BQLDA đề xuất dừng vay vốn ODA Nhật Bản. Tiếp theo ngày 20/10/2025, Công ty có Văn bản số 1028/CN-BQLDA giải trình VB số 4515/STC-ĐT ngày 07/10/2025 của STC về việc dừng vay vốn ODA.</p> <p>- Ngày 29/12/2025 Sở Tài chính có văn bản số 8975/STC-ĐT gửi UBND Tỉnh Dự thảo văn bản dừng vay vốn gửi BTC</p> <p>- Dự án đã Quyết hợp và Thanh lý hợp đồng Tư vấn. Cấp giấy chứng nhận hoàn thành Dịch vụ tư vấn cho Liên danh Nippon koei Co., Ltd. – Dohwa Engineering Co., Ltd. – Công ty CP Tư vấn Cấp thoát nước & Môi trường – Công ty TNHH Nippon Koei Việt Nam International.</p> |
| 3 | Hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn II | UBND Tỉnh đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành (Quyết định 1294/QĐ-UBND ngày 15/09/2025) |
| 4 | Tuyển ống phân phối khu vực xã Định Quán | Khởi công ngày 11/12/2025, dự kiến hoàn thành ngày 09/02/2026. Đến ngày 10/01/2026, thi công đạt 73% |
| 5 | Tuyển ống truyền tải đường ĐT 765 QL1A | Khởi công ngày 28/11/2025, dự kiến hoàn thành ngày 26/02/2026. Đến ngày 10/01/2026, thi công đạt 66% |
| 6 | Mở rộng mạng lưới cấp nước 6 xã H.VC | Khởi công ngày 03/10/2025, dự kiến hoàn thành ngày 31/01/2026, đến ngày 09/01/2026 đã thi công đạt 96,2%. |
| 7 | HTCN xã Long Đức | Khởi công ngày 25/6/2025, dự kiến hoàn thành tháng 01/2026 |

| STT | Dự án | Tình hình thực hiện |
|-----|---------------------------------|---|
| 8 | TOCN cảng hàng không quốc tế LT | Khởi công ngày 06/5/2024, dự kiến hoàn thành ngày 10/1/2026 |
| 9 | TOCN D300 dọc đường ven sông ĐN | Khởi công ngày 22/9/2023, lấp đất 9.153m/10.394m (88%). |

3. Tình hình hoạt động đầu tư tài chính dài hạn:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Stt | Chỉ tiêu | Giá trị đầu tư đầu kỳ | Phát sinh | | Giá trị đầu tư cuối kỳ | Tỷ lệ góp vốn/ vốn điều lệ | Vốn góp của chủ sở hữu | Tỷ lệ cổ tức | Giá trị |
|------------|---------------------------------------|-----------------------|--------------|------|------------------------|----------------------------|------------------------|--------------|-----------------|
| | | | Tăng | Giảm | | | | | |
| I | Đầu tư vào công ty con | 103.729 | | | 103.729 | | | | |
| 1 | Công ty CP CN Nhơn Trạch | 90.979 | | | 90.979 | 52,44% | 100.000 | 15% | 7.865,6 |
| 2 | Cty CP CN Long Khánh | 12.750 | | | 12.750 | 51% | 25.000 | 60% | 7.646,7 |
| II | Đầu tư vào công ty liên kết | 7.800 | | | 7.800 | | | | |
| 1 | Cty CP DV & XD cấp nước | 7.800 | | | 7.800 | 36% | 23.450 | 30% | 2.532,6 |
| III | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 54.210 | 2.500 | | 56.710 | | | | |
| 1 | Công ty CP cấp nước Gia Tân | 50.000 | | | 50.000 | 7,84% | 637.812,5 | | |
| 2 | Công ty Sonadezi Châu Đức (SZC) | 2.179,8 | | | 2.179,8 | 0,095% | 1.799.858,6 | 10% | 171 |
| 3 | Cty CP dịch vụ Sonadezi (SDV)* | 2.030 | 2.500 | | 4.530 | 2% | 50.000 | 30% | 300 |
| | Tổng cộng | 165.739 | 2.500 | | 168.239 | | | | 18.515,9 |

* Trong năm 2025 mua thêm 100.000 cổ phiếu phát hành tăng vốn điều lệ của Công ty CP dịch vụ Sonadezi (SDV) giá 25.000 đồng/CP. Tại thời điểm 31/12/2025 SDV chưa tăng vốn Điều lệ cho số cổ phiếu phát hành thêm năm 2025.

Nhìn chung hầu hết các công ty có vốn góp hoạt động có hiệu quả, bảo toàn vốn. Riêng Công ty CP cấp nước Gia Tân (Giwaco), tình hình kinh doanh không cho thấy hiệu quả, SXKD liên tục lỗ. Tính đến thời điểm 31/12/2025 Giwaco lỗ lũy kế là 265,88 tỷ đồng, trong đó lỗ của riêng năm 2025 là 48,8 tỷ đồng. Với giá trị của khoản đầu tư vào Giwaco, Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng trong năm 2025 là 1,807 tỷ đồng, lũy kế số trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Giwaco đến ngày 31/12/2025 là 20,84 tỷ đồng.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Giwaco thay đổi lần thứ tám ngày 07/03/2025, Giwaco tăng vốn điều lệ từ 477,5 tỷ đồng lên 584,375 tỷ đồng. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-HĐCĐ/2025 ngày 20/3/2025, trong năm 2025 Giwaco tiếp tục phát hành thêm 5.843.750 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 584,375 tỷ lên 642,812 tỷ đồng. Số tiền thực tế thu được từ đợt cổ phiếu năm 2025 thu được đến 31/12/2025 là 53,437,5 tỷ đồng. Vốn điều lệ trên BCTC là 637.812,5 tỷ đồng. Giwaco chưa thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo vốn điều lệ mới.

Với tình hình kinh doanh của Giwaco và kết quả thực hiện chào bán quyền mua của Dowaco từ các đợt Giwaco tăng vốn điều lệ năm 2022, 2023, 2024 không thành công, nên Dowaco không thực hiện đăng ký mua và chào bán quyền mua số cổ phần phát hành thêm năm 2025 theo thông báo số 21/TB-CNGT ngày 05/5/2025 của Giwaco.

(*) Tỷ lệ góp vốn của Dowaco trên vốn góp của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2025 là 7,84% (50 tỷ đồng/637,8 tỷ đồng).

Tại thời điểm ngày 31/12/2025, Vốn CSH của Giwaco là 395,98 tỷ đồng. Giá trị sổ sách một cổ phần là 6.208 đồng/cổ phần (395.981.812.901 đồng/63.781.250 cổ phần). Ban Kiểm soát lưu ý đến Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty về việc Công ty CP cấp nước Gia Tân liên tục phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, liên tục gia tăng lỗ đã có nhiều rủi ro không bảo toàn vốn Dowaco đã đầu tư vào Giwaco. Do đó, HĐQT, Ban giám đốc Dowaco cần có các định hướng nhằm cải thiện tính hiệu quả đối với khoản đã đầu tư góp vốn vào Giwaco.

4. Tình hình phát triển khách hàng, sản xuất và tiêu thụ nước:

| STT | Nội dung | Năm 2024 | Năm 2025 | Tỷ lệ tăng/giảm |
|-----|--|-------------|-------------|-----------------|
| 1 | Số lượng danh bộ (đồng hồ) | 315.232 | 333.688 | 5,85% |
| 2 | Sản lượng sản xuất (m ³ /năm) | 142.205.850 | 142.910.354 | 0,5 % |
| 3 | Sản lượng tiêu thụ (m ³ /năm) | 119.276.548 | 120.102.044 | 0,69 % |
| 4 | Tỷ lệ hao hụt (%) | 16,1% | 16% | - 0,1% |

Tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2025 giảm 0,1% so với thực hiện năm 2024. Trong năm 2025, Công ty đã được cấp phép nâng công suất nhà máy nước Long Bình từ 30.000 m³/ngày đêm lên 36.000 m³/ngày đêm; nhà máy nước Vĩnh An từ 4.000 m³/ngày đêm lên 10.000 m³/ngày đêm. Được cấp phép gia hạn khai thác 07 giếng trạm cấp nước Tân Phú, 01 giếng trạm cấp nước sông ray, 02 giếng trạm cấp nước Bàu Hàm. Hiện nay Công ty đang thực hiện các thủ tục để nâng công suất nhà máy nước Biên Hòa từ 36.000 m³/ngày đêm lên 48.000 m³/ngày đêm.

Giấy phép xả thải nhà máy nước Biên Hòa hết hạn từ ngày 04/10/2022, Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH12 có hiệu lực từ ngày 01/01/2022, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Công ty đã thực hiện ký hợp đồng số 2809-497/HĐKT-TV-2022 ngày 27/09/2022 với đơn vị tư vấn - Công ty TNHH TMDV tư vấn môi trường Tân Huy Hoàng thực hiện lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho nhà máy. Ngày 19/10/2022, Công ty đã nộp hồ sơ đến Sở Tài nguyên môi trường Tỉnh Đồng Nai đề nghị cấp phép môi trường cho nhà máy nước Biên Hòa. Tuy nhiên, do vướng các thủ tục thuê đất, thuê mặt nước nên đến thời điểm hiện nay nhà máy nước Biên Hòa vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt ĐTM (đánh giá tác động môi trường) và chưa được cấp giấy phép môi trường theo qui định.

5. Quản lý công nợ phải thu:

Tổng số nợ phải thu ngắn hạn thể hiện qua bảng số liệu sau:

Đơn vị tính: đồng

| STT | Nội dung | Ngày 31/12/2024 | Ngày 31/12/2025 |
|-----|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Phải thu ngắn hạn khách hàng | 35.854.654.966 | 39.828.178.940 |
| 2 | Trả trước cho người bán | 4.381.382.436 | 10.460.926.151 |
| 3 | Phải thu ngắn hạn khác | 22.957.272.615 | 21.012.738.471 |
| 4 | Dự phòng phải thu khó đòi | (5.290.294.125) | (5.290.294.125) |
| | Tổng cộng: | 57.903.015.892 | 66.011.549.437 |

- Tại Ngày 31/12/2025, các khoản phải thu ngắn hạn cuối kỳ chủ yếu là công nợ phải thu tiền nước (38,947 tỷ đồng) và phải thu lắp hệ thống cấp nước cho khách hàng. Trong đó, công nợ quá hạn trên 6 tháng của các khoản nợ tồn thu tiền nước phát sinh từ năm 2014 đến 30/6/2025 là 8,594 tỷ đồng.

- Khoản trả trước cho người bán chủ yếu là các khoản tạm ứng cho nhà thầu thi công các dự án.

- Phải thu ngắn hạn khác chủ yếu là khoản phải thu liên quan đến dự án Nhơn Trạch giai đoạn I (4.016.570.551 đồng), lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn (8.164.178.082 đồng), tạm ứng vật tư lắp đặt tuyến ống cấp nước D300 dọc đường ven sông Đồng Nai (6.403.648.990 đồng), tạm ứng nội bộ, bảo hiểm bắt buộc trích theo lương và các khoản phải thu ngắn hạn khác.

- Dự phòng phải thu khó đòi bao gồm các khoản KTNN cắt giảm giá trị khối lượng các gói thầu thuộc Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn I (3.770.820.351 đồng); các khoản nợ xấu tiền nước (1.469.473.774 đồng) và khoản trả trước cho Trung tâm Công nghệ Môi trường ENTEC của Hợp đồng số 36/2005 ngày 30/9/2005 xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường (50 triệu đồng).

Công ty không có các khoản nợ phải thu dài hạn.

6. Tình hình Phân phối lợi nhuận và tạm ứng, chi trả cổ tức:

Trong năm, Công ty đã Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/02/2025. Thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông theo nghị quyết của Hội đồng quản trị số 05/NQ-HĐQT ngày 19/5/2025.

7. Tình hình trích lập và quyết toán Quỹ tiền lương, quỹ thù lao:

Công ty trích lập và quyết toán Quỹ tiền lương, Quỹ thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Quỹ tiền lương Ban điều hành và người lao động năm 2025 theo kết quả sản xuất kinh doanh và các quy định tại nghị định số 44/2025/NĐ-CP, thông tư số 003/2025/TT-BNV (xác định Quỹ lương, thù lao loại chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện đánh giá lại gốc ngoại tệ cuối kỳ).

8. Đánh giá tình hình tài chính của Công ty:

Theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, các chỉ tiêu cơ bản về tài chính của Công ty phản ánh như sau:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2024 | Năm 2025 |
|------------|--|-----|----------|----------|
| 1 | Cơ cấu tài sản | | | |
| | Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 20,32 | 21,09 |
| | Tài sản dài hạn /Tổng tài sản | % | 79,68 | 78,91 |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| | Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 31,29 | 28,15 |
| | Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 68,71 | 71,85 |
| | Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu | % | 45,54 | 39,18 |
| 3 | Khả năng thanh toán | | | |
| | Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | lần | 1,55 | 1,81 |
| | Khả năng thanh toán nhanh | lần | 1,46 | 1,7 |
| 4 | Tỷ suất sinh lời | | | |
| 4.1 | Tỷ suất sinh lời <i>(loại CLTG do đánh lại các khoản mục có gốc ngoại tệ)</i> | | | |
| | Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA) | % | 8,54 | 8,86 |
| | Tỷ suất LNST/Vốn CSH (ROE) | % | 19,46 | 18,75 |
| | Tỷ suất LNST/Doanh thu | % | 23,62 | 24,75 |
| 4.2 | Tỷ suất sinh lời (theo báo cáo tài chính) <i>(không loại CLTG do đánh lại các khoản mục có gốc ngoại tệ)</i> | | | |
| | Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA) | % | 9,86 | 8,27 |
| | Tỷ suất LNST/Vốn CSH (ROE) | % | 22,39 | 17,51 |
| | Tỷ suất LNST /(Tổng Doanh thu + Thu nhập khác) | % | 27,17 | 23,11 |

Nhìn chung, Các chỉ tiêu tài chính cơ bản thể hiện được tính hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các chỉ tiêu khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, thanh toán nhanh đều được đảm bảo.

Tình hình thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn: Công ty thực hiện chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật. Mua bảo hiểm tài sản. Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Đánh giá mức độ bảo toàn vốn: Lãi thực hiện trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 là 300.895.593.567 đồng. Kết quả kinh doanh của Công ty có lãi, do đó Công ty bảo toàn và phát triển vốn.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT), GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC:

1. Kết quả giám sát đối với HĐQT:

- Hội đồng quản trị gồm 07 thành viên, Chủ tịch HĐQT thực hiện nhiệm vụ chuyên trách, 02 thành viên kiêm nhiệm trong ban điều hành. Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật, điều lệ, các quy chế của Công ty và sự phân công công việc cho từng thành viên HĐQT.

- HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ, các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT dự họp (hoặc người được ủy quyền dự họp) và có biên bản họp ngay sau khi kết thúc cuộc họp. Các nội dung cuộc họp được xem xét, thảo luận thông qua để ban hành nghị quyết triển khai thực hiện, đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐQT.

- HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế theo đúng định hướng, chiến lược phát triển của Công ty và phù hợp các quy định của pháp luật.

- HĐQT đã thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

2. Kết quả giám sát đối với Giám đốc và người điều hành khác:

- Ban Giám đốc gồm 4 thành viên, mỗi thành viên đều phát huy vai trò trách nhiệm của mình trong công việc.

- Ban giám đốc đã triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; Quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

- Ban giám đốc đã thực hiện những chính sách, định hướng giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Định kỳ, Ban Giám đốc đều tổ chức họp giao ban với thành phần gồm Ban Giám đốc, Trưởng/Phó phòng/ban Công ty, chi nhánh trực thuộc để nắm bắt tình hình hoạt động SXKD tại các đơn vị, rà soát kế hoạch và tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các đơn vị.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Giám đốc và người điều hành khác (Ban điều hành):

- HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Công ty và các cổ đông. Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Công ty.

- Ban Kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đối với các nội dung HĐQT lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền giữa các kỳ họp định kỳ, HĐQT đều có cung cấp thông tin đến Ban Kiểm soát.

- Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ của Công ty để nắm bắt việc triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và kết quả thực hiện, qua đó giám sát được hoạt động quản lý điều hành của Ban Giám đốc và người điều hành khác trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và Nghị quyết của HĐQT.

- Trong quá trình Ban Kiểm soát làm việc, HĐQT, Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện chức năng kiểm soát các hoạt động của Công ty. Các đơn vị, bộ phận đã phối hợp cung cấp các tài liệu, hồ sơ giúp Ban kiểm soát hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát.

4. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với cổ đông:

Tổng số cổ đông của Công ty chốt đến ngày 02/03/2026 là 694 cổ đông. Trong đó cổ đông là tổ chức là 8 cổ đông, chiếm tỷ lệ 95,51% vốn điều lệ; cổ đông là cá nhân là 686 cổ đông, chiếm tỷ lệ 4,49 % vốn điều lệ.

- Trong năm 2025, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông yêu cầu kiểm tra về việc điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc đối với hoạt động SXKD của Công ty.

5. Đánh giá về giao dịch giữa Công ty với tổ chức có liên quan của Công ty:

Khi phát sinh hợp đồng giao dịch với tổ chức có liên quan, Công ty đều thực hiện trình HĐQT thông qua chủ trương và thực hiện công bố thông tin theo quy định về quản trị công ty. Thực hiện thuyết minh tất cả các giao dịch phát sinh trên Báo cáo tài chính và thực hiện công bố Báo cáo tài chính theo quy định.

Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025 được công bố trên website Công ty và trên cổng thông tin điện tử Sở giao dịch chứng khoán Hà nội vào ngày 28/01/2026 đã thể hiện đầy đủ các giao dịch giữa công ty với công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ trở lên; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

| Stt | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với Công ty | Nội dung giao dịch | Giá trị giao dịch |
|-----|-------------------------------------|-----------------------------------|---|-------------------|
| 1 | Tổng Công ty Sonadezi | Công ty mẹ | - Bán hàng hóa dịch vụ (nước uống Doriv). | 37,4 triệu đồng |
| 2 | Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành | Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT | - Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv) | 74,64 tỷ đồng |
| 3 | Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình | Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT | - Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch, nước uống Doriv) | 54,24 tỷ đồng |

| Stt | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với Công ty | Nội dung giao dịch | Giá trị giao dịch |
|-----|---|-----------------------------------|---|-------------------|
| 4 | Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền | Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT | Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). | 24,87 tỷ đồng |
| 5 | Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức | Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT | - Bán hàng hóa dịch vụ (nước uống Doriv). | 11,28 triệu đồng |
| 6 | Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận | Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT | - Bán hàng hóa dịch vụ (nước uống Doriv). | 71,24 triệu đồng |
| 7 | Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch | Công ty con | - Bán hàng hóa dịch vụ (bán nước sạch qua đồng hồ tổng và nước uống Doriv). | 57,02 tỷ đồng |
| 8 | Công ty Cổ phần Dịch vụ & XDCN Đồng Nai | Công ty liên kết | - Bán hàng và cung cấp dịch vụ | 79,34 triệu đồng |
| 9 | Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai | Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT | - Bán hàng và cung cấp dịch vụ | 586,6 triệu đồng |
| 10 | Công ty Cổ phần PTĐT CN số 2 (D2D) | Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT | - Bán hàng và cung cấp dịch vụ | 533,5 triệu đồng |

IV. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó Trưởng Ban kiểm soát hoạt động chuyên trách tại Công ty. Ban kiểm soát đã lập kế hoạch hoạt động và tiến hành phân công công việc cho từng thành viên Ban kiểm soát để thực hiện nhiệm vụ.

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp để phân công nhiệm vụ và thảo luận về các nội dung sau mỗi đợt kiểm tra, kiểm soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình giám sát tài chính của Công ty.

Ban kiểm soát không tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản, tiền mặt tồn quỹ, vật tư, hàng hoá, sản phẩm dở dang; không thực hiện xác minh, đối chiếu chứng từ và hóa đơn đầu vào Công ty đã kê khai khấu trừ thuế và đã hạch toán kế toán trong kỳ; không tổ chức đối chiếu, xác nhận tất cả các khoản nợ phải thu, nợ phải trả của Công ty.

Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo đúng chức năng nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Sau mỗi đợt kiểm tra, Ban kiểm soát đều tổ chức họp để thảo luận, đánh giá và thống nhất phát hành Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát. Trình Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát lên Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định.

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã thực hiện các công tác sau:

- Giám sát tình hình thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác trong hoạt động, quản lý điều hành Công ty.
- Giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.
- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
- Thẩm định báo cáo tài chính báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm.
- Kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán và trình bày báo cáo tài chính.
- Kiểm tra việc tuân thủ trong công tác xây dựng cơ bản, kiểm tra việc triển khai các dự án đầu tư.
- Giám sát tình hình hoạt động của các đơn vị mà Công ty có vốn góp thông qua báo cáo tài chính của các đơn vị.

2. Thu nhập, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát:

- Thu nhập của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát nhận được trong năm 2025 từ Quỹ tiền lương/thù lao/thưởng năm 2024 và năm 2025 như sau:

| Stt | Họ và tên | Thu nhập năm 2025 (đồng) | | | Tổng cộng Lương và thù lao (đồng) |
|------------------|------------------|--------------------------|--------------------|--------------------|---|
| | | Tiền lương | Thù lao | Tiền thưởng | |
| 1 | Lê Thị Ngọc Sáu | 987.169.800 | | 159.000.000 | 987.169.800 |
| 2 | Nguyễn An Quốc | | 115.000.000 | | 115.000.000 |
| 3 | Nguyễn Duy Khang | | 115.000.000 | | 115.000.000 |
| TỔNG CỘNG | | 987.169.800 | 230.000.000 | 159.000.000 | 1.217.169.800 |

- Chi phí hoạt động của BKS trong năm 2025 là 200 triệu đồng (gồm các khoản bảo hiểm theo lương, phụ cấp và các chi phí khác theo chế độ của Công ty).

4. Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế Quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của BKS. Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát dựa trên các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc; xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành.

- Giám sát tình hình tài chính của công ty.
- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm.
- Kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán và trình bày báo cáo tài chính.
- Giám sát việc trích lập các quỹ và chia cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát việc xây dựng, quyết toán, trích lập và phân phối quỹ tiền lương, thù lao HĐQT, BKS theo quy định tại nghị định 248/2025/NĐ-CP. Giám sát việc xây dựng và quyết toán quỹ lương Ban Điều hành, quỹ lương người lao động theo kết quả SXKD của Công ty.
- Giám sát tình hình hoạt động của các Công ty thành viên, Công ty có vốn góp của Công ty thông qua báo cáo tài chính của các đơn vị.
- Phối hợp với Ban Kiểm toán nội bộ kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh tại các chi nhánh trực thuộc.
- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
- Dự toán ngân sách hoạt động của BKS năm 2026 là 300 triệu đồng (gồm các khoản bảo hiểm theo lương, phụ cấp, chi phí đào tạo, tham quan du lịch và các chi phí khác theo chế độ của Công ty; không bao gồm tiền lương, thù lao).

C. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét:

- Nhìn chung trong năm 2025, với sự thống nhất và quyết tâm của Ban lãnh đạo cùng tập thể CBNV, Công ty đã hoàn thành đa số các chỉ tiêu hoạt động SXKD theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (Kết quả SXKD loại chênh lệch tỷ giá đánh lại các khoản mục có gốc ngoại tệ chưa thực hiện trả nợ vay vốn ODA đầu tư HTCN Nhơn Trạch giai đoạn I & II, HTCN Thiện Tân giai đoạn II).
- Công tác phòng chống thất thoát, cấp nước an toàn, đảm bảo chất lượng nguồn nước sạch cung cấp cho khách hàng luôn được Công ty ưu tiên thực hiện. Tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2025 là 16%, tăng 1% so với kế hoạch năm 2025 (15%) và giảm 0,1% so với thực hiện năm 2024 (16,1%).
- Việc nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng tiếp tục được Công ty chú trọng quan tâm thực hiện.
- Trong công tác quản lý điều hành, Công ty tiếp tục thực hiện việc luân chuyển CBNV nhằm tăng tính đổi mới sáng tạo cũng như giúp Người lao động phát huy được năng lực công tác chuyên môn.
- Về cơ bản Công ty quản lý, sử dụng vốn hiệu quả. Bảo toàn và phát triển vốn. Ổn định đời sống người lao động.
- Công ty đã thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo quy định.

2. Kiến nghị:

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc tiếp tục đề ra các chủ trương, định hướng và quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh luôn ổn định và phát triển.

- Tiếp tục thực hiện phân vùng tách mạng để xác định tỷ lệ thất thoát nước theo từng khu vực và lập kế hoạch cải tạo, sửa chữa phù hợp; tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước, đạt kế hoạch Công ty đề ra tỷ lệ thất thoát nước sạch bình quân là 15%.

- Triển khai các dự án, công trình đầu tư xây dựng cơ bản theo chủ trương, kế hoạch tiến độ đã đề ra.

- Tiếp tục thực hiện các thủ tục điều chỉnh Tổng mức đầu tư dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn I, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn II.

- Hoàn thiện các thủ tục đất đai và các thủ tục để được cấp phép môi trường cho nhà máy nước Biên Hòa.

- Tiếp tục làm việc với nhà thầu Degremont, nhà thầu liên danh Công ty cổ phần Sông Đà 11 - Công ty cổ phần Sông Đà 25, Trung tâm phát triển Quỹ đất TP.Biên Hòa để thu hồi các khoản chi phí đầu tư dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn I theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII.

- Thu hồi các khoản công nợ của dự án Hệ thống cấp nước Thiện Tân (giai đoạn 2), công suất từ 100.000 m³/ngày lên 200.000 m³/ngày theo phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của UBND tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 15/9/2025; Báo cáo thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành số 330/BC-STC ngày 10/9/2025 của Sở Tài chính.

- Đưa ra các biện pháp để thu hồi các khoản nợ quá hạn thanh toán, các khoản nợ kéo dài nhiều năm. Rà soát các đối tượng trả tiền nước ghi không đầy đủ thông tin để gạch nợ đúng đối tượng.

- Tăng cường việc ứng dụng công nghệ, số hóa vào công tác sản xuất kinh doanh và quản lý điều hành.

- Chú trọng, đẩy mạnh công tác đào tạo nhằm nâng cao trình độ, năng lực của CBNV, đặc biệt là đội ngũ cán bộ kế cận, đội ngũ cán bộ quy hoạch nhằm đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty.

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng, UBND các phường, xã có dự án xây dựng nhà máy và hệ thống cấp nước đi qua để xử lý các trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ tuyến ống. Giám sát chặt chẽ việc quản lý hành lang tuyến ống của các đơn vị được giao quản lý.

- HĐQT Công ty tiếp tục chỉ đạo Người đại diện phần vốn tại các Công ty thành viên có vốn góp của Công ty cần có các chiến lược SXKD phù hợp nhằm bảo toàn và phát triển vốn góp của công ty.

- Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho các thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2026. Thông tư số 99/2025/TT-BTC quy định:

+ Doanh nghiệp có trách nhiệm tự xây dựng quy chế quản trị nội bộ (hoặc các tài liệu tương đương) và tổ chức kiểm soát nội bộ nhằm phân định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bộ phận và cá nhân có liên quan đến việc tạo lập, thực hiện, quản lý và kiểm soát các giao dịch kinh tế phát sinh tại doanh nghiệp, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

+ Khi thiết kế thêm hoặc sửa đổi, bổ sung về biểu mẫu chứng từ kế toán; sửa đổi, bổ sung về tên, số hiệu, kết cấu và nội dung phản ánh của các tài khoản kế toán; thiết kế thêm hoặc sửa đổi, bổ sung về biểu mẫu sổ kế toán; bổ sung thêm các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính tại các phụ lục đính kèm thông tư 99/2025/TT-BTC thì doanh nghiệp có trách nhiệm ban hành Quy chế hạch toán kế toán (hoặc các tài liệu tương đương) về các nội dung sửa đổi, bổ sung để làm cơ sở thực hiện. Quy chế phải nêu rõ sự cần thiết của việc sửa đổi, bổ sung đó và trách nhiệm của doanh nghiệp trước pháp luật về các nội dung đã sửa đổi, bổ sung.

Theo quy định trên, Công ty lưu ý triển khai xây dựng và ban hành Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hạch toán kế toán và áp dụng theo quy định.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025; Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2026 tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Cty sonadezi (B/c)
- HĐQT, Ban GD Cty;
- Lưu: Thư ký HĐQT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Thị Ngọc Sáu

Số: 03 /TTr-HĐQT

Trần Biên, ngày 10 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ
và chi trả cổ tức năm 2025; Kế hoạch phân phối lợi nhuận,
trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2026**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai;

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Công ty;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2025; Kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2026 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2025:

Đơn vị tính: đồng

| Stt | Chi tiêu | Số tiền |
|-----|---|-------------------|
| 1 | Vốn điều lệ | 1.200.000.000.000 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 (BCTC): | 271.449.235.496 |
| 3 | Tổng lợi nhuận được phân phối | 279.337.295.360 |
| 3.1 | - Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 | 271.449.235.496 |
| 3.2 | Lợi nhuận CLTG đã thực hiện trả nợ kết chuyển sang | 7.888.059.864 |
| 4 | Trích lập các quỹ | 114.591.044.000 |
| 4.1 | - Quỹ đầu tư phát triển (30%) | 83.801.189.000 |
| 4.2 | - Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10,0225%) | 27.996.482.000 |
| 4.3 | - Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%) | 2.793.373.000 |
| 5 | Lợi nhuận còn lại sau trích lập các quỹ (5)=(3)-(4) | 164.746.251.360 |
| 6 | Lợi nhuận còn lại các năm trước chuyển sang | 66.805.135.818 |
| 7 | Tổng lợi nhuận còn lại | 231.551.387.178 |
| 8 | Tỉ lệ chia cổ tức/VĐL | 15% |
| | - Số tiền chia cổ tức | 180.000.000.000 |
| 9 | Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2026 | 51.551.387.178 |

(*) Ủy quyền cho HĐQT tổ chức việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2025.

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2026:

Đơn vị tính: đồng

| Stt | Chi tiêu | Số tiền |
|-----|--|-------------------|
| 1 | Vốn điều lệ | 1.200.000.000.000 |
| 2 | Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN : | 279.630.000.000 |
| 3 | Trích lập các quỹ | 112.899.000.000 |
| 3.1 | - Quỹ đầu tư phát triển (30%) | 83.889.000.000 |
| 3.2 | - Quỹ khen thưởng, phúc lợi (9,3744%) | 26.213.700.000 |
| 3.3 | - Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%) | 2.796.300.000 |
| 4 | Lợi nhuận còn lại năm 2026 sau trích lập các quỹ | 166.731.000.000 |
| 5 | Lợi nhuận còn lại năm trước chuyển sang | 51.551.387.178 |
| 5 | Tổng lợi nhuận còn lại năm 2026 | 218.282.387.178 |
| 6 | Tỉ lệ chia cổ tức/VĐL (dự kiến) | 14% |
| | - Số tiền chia cổ tức | 168.000.000.000 |
| 7 | Tổng lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau | 50.282.387.178 |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BGĐ Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu: VT, VPHĐQT.

E:/HĐQT/HĐQT/DHCD/2025

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Thị Hồng

Số: 04 /TTr-HĐQT

Trần Biên, ngày 10 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v quyết toán Quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025;
Ngân sách hoạt động, kế hoạch chi trả tiền lương của Chủ tịch HĐQT,
Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách, thù lao của HĐQT, BKS
không chuyên trách năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai;

Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ và Thông tư 003/2025/TT-BNV ngày 28/4/2025 của Bộ Nội vụ về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo quyết toán Quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025; Ngân sách hoạt động, kế hoạch chi trả tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách, thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2026 như sau:

1. Quyết toán Quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025

- Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách: 2.584.000.000 đồng

- Thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách: 1.535.000.0000 đồng

2. Ngân sách hoạt động; Kế hoạch chi trả tiền lương chuyên trách của Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS chuyên trách; thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2026:

2.1. Ngân sách hoạt động:

a) Ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị : 750.000.000 đồng

b) Ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát : 300.000.000 đồng

2.2. Kế hoạch chi trả tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS chuyên trách; thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách:

a) Quỹ thù lao kế hoạch của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách: 1.392.000.000 đồng

b) Mức tạm chi hàng tháng:

| Stt | Nội dung | Số lượng | Mức tạm chi hàng tháng |
|----------|--|----------|------------------------|
| 1 | Tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS chuyên trách (*) | | |
| a | Chủ tịch HĐQT | 1 | 70.400.000 |
| b | Trưởng Ban Kiểm soát | 1 | 48.400.000 |
| 2 | Thù lao của TV.HĐQT, BKS không chuyên trách | | |
| a | Thành viên HĐQT | 6 | 8.000.000 |
| b | Thành viên Ban Kiểm soát | 2 | 5.000.000 |

Tiền lương và thù lao thực hiện năm 2026 của HĐQT và Ban Kiểm soát sẽ được quyết toán theo các quy định hiện hành và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV. HĐQT, BGĐ Công ty;
- TV.BKS Công ty;
- Lưu: VT, VPHĐQT.

E:/HIEN/CÔNG TY/HĐQT/DHCD/2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Thị Hồng

Số: 02 /TTr-BKS

Trần Biên, ngày 10 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua danh sách các Công ty Kiểm toán
Báo cáo tài chính năm 2026**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:

- 1/ Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- 2/ Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam;
- 3/ Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Các Công ty kiểm toán trên hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong danh sách các Công ty kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính và được cung cấp dịch vụ kiểm toán cho các Công ty theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn 01 Công ty trong số các Công ty theo danh sách trên để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Thị Ngọc Sáu

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BGĐ Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu: VT, VPHĐQT.

E:\HIỆN\HĐQT\ĐHCD\2026

Số: 05 /TTr-HĐQT

Trần Biên, ngày 10 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.

Để đảm bảo hoạt động quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

(Phụ lục điều chỉnh đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BGĐ Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

E:\HIEN\HĐQT\HMCĐ\2026

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thị Hồng



PHỤ LỤC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
(định kèm Tờ trình số ...05../TTr-HĐQT ngày ...10./3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty)

| Nội dung Điều lệ hiện tại | Nội dung điều chỉnh, bổ sung | Giải trình |
|--|---|--|
| <p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a).....</p> <p>b) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;</p> <p>.....</p> | <p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a).....</p> <p>b) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;</p> <p>.....</p> | <p>Căn cứ Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp</p> |



| Nội dung Điều lệ hiện tại | Nội dung điều chỉnh, bổ sung | Giải trình |
|--|---|--|
| <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty</p> <p>.....</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <p>- Địa chỉ: Số 48, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.</p> <p>4.....</p> <p>a) Chi nhánh Quản lý Ghi thu:</p> <p>- Địa chỉ: Số 48, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.</p> <p>b) Chi nhánh Cấp nước Biên Hòa</p> <p>- Địa chỉ: Số 48, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.</p> <p>c) Chi nhánh Cấp nước Long Bình</p> <p>- Địa chỉ: Tổ 8, khu phố 9, phường Tân Biên, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.</p> <p>d) Chi nhánh Cấp nước Thiện Tân</p> <p>- Địa chỉ: Số 329, đường Hoàng Văn Bôn, tổ 2, khu phố 10, phường Tân Biên, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.</p> <p>đ) Chi nhánh Cấp nước Nhơn Trạch</p> <p>- Địa chỉ: Số 327, đường Hoàng Văn Bôn, tổ 2, khu phố 10, phường Tân Biên, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai</p> <p>e) Chi nhánh Cấp nước Thạnh Phú</p> <p>- Địa chỉ: Số 119A, lộ 768, ấp Vàm, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cừ, tỉnh Đồng Nai.</p> <p>g) Chi nhánh Cấp nước Vĩnh An</p> <p>- Địa chỉ: Số 02, đường Võ Văn Tần, tổ 2, khu phố 1, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cừ, tỉnh Đồng Nai.</p> | <p>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty</p> <p>....</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <p>- Địa chỉ: Số 48, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trán Biên, tỉnh Đồng Nai.</p> <p>4.....</p> <p>a) Chi nhánh Quản lý Ghi thu:</p> <p>- Địa chỉ: Số 48, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trán Biên, tỉnh Đồng Nai..</p> <p>b) Chi nhánh Cấp nước Biên Hòa</p> <p>- Địa chỉ: Số 48, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trán Biên, tỉnh Đồng Nai.</p> <p>c) Chi nhánh Cấp nước Long Bình</p> <p>- Địa chỉ: 493/15 tổ 8, khu phố 22 phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai</p> <p>d) Chi nhánh Cấp nước Thiện Tân</p> <p>- Địa chỉ: Số 329, đường Hoàng Văn Bôn, tổ 2, khu phố 21, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai.</p> <p>đ) Chi nhánh Cấp nước Thạnh Phú</p> <p>- Địa chỉ: Số 119A, Tỉnh lộ 768, Khu phố Vàm, Phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai.</p> <p>e) Chi nhánh Cấp nước Xuân Lộc</p> <p>- Địa chỉ: Đường Huỳnh Văn Nghệ, ấp Gia Ray 7, xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.</p> <p>g) Chi nhánh Cấp nước Long Thành</p> <p>- Địa chỉ: Số 113, đường Lê Duẩn, ấp Phước Hải, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai</p> | <p>- Điều chỉnh địa chỉ Công ty và một số chi nhánh do thực hiện sáp nhập địa giới hành chính theo Nghị quyết của Quốc hội</p> <p>- Bỏ tên Chi nhánh Cấp nước Nhơn Trạch (do đã sáp nhập vào Chi nhánh Cấp nước Thiện Tân) và Chi nhánh Cấp nước Vĩnh An (do đã sáp nhập vào Chi nhánh Cấp nước Long Bình)</p> |

| Nội dung Điều lệ hiện tại | Nội dung điều chỉnh, bổ sung | Giải trình |
|--|---|---|
| <p>h) Chi nhánh Cấp nước Xuân Lộc</p> <p>- Địa chỉ: Tổ 1, khu 7, thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.</p> <p>i) Chi nhánh Cấp nước Long Thành</p> <p>- Địa chỉ: Số 113, đường Lê Duẩn, khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai</p> <p>.....</p> | | |
| <p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan</p> | <p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</p> | <p>Căn cứ khoản 18 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15</p> |
| <p>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu</p> | <p>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố, mối quan hệ gia đình được quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản</p> | <p>Theo thực tế công tác chuẩn bị hồ sơ nhân sự và Căn cứ khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP</p> |

| Nội dung Điều lệ hiện tại | Nội dung điều chỉnh, bổ sung | Giai trình |
|--|---|---|
| <p>được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <p>.....</p> <p>d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</p> <p>.....</p> <p>e. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>.....</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>.....</p> <p>c) Chi được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;</p> <p>.....</p> | <p>trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <p>.....</p> <p>d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên của công ty khác);</p> <p>.....</p> <p>e. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>.....</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>.....</p> <p>c) Chi được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;</p> <p>.....</p> | |
| <p>Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị</p> <p>.....</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.</p> <p>.....</p> | <p>Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị</p> <p>.....</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 02 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành</p> <p>.....</p> | <p>Căn cứ khoản 79 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP</p> |
| <p>Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1.....</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a).....</p> | <p>Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1.....</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a).....</p> | |

| Nội dung Điều lệ hiện tại | Nội dung điều chỉnh, bổ sung | Giải trình |
|--|---|---|
| <p>.....</p> <p>r) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> | <p>.....</p> <p>r) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty và người quản lý khác của Công ty.</p> <p>s) Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.</p> <p>t) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> | <p>Căn cứ khoản 81 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP</p> |
| <p>Điều 27. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận tiền thưởng từ quỹ tiền thưởng của người quản lý do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Mức thưởng cho Chủ tịch và từng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định.</p> | <p>Điều 27. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận tiền thưởng theo Quy chế Thưởng của Công ty. Mức tiền thưởng của Chủ tịch và từng thành viên Hội đồng quản trị tạm chi trong năm do Hội đồng quản trị phê duyệt và sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất thông qua.</p> | <p>Theo Khung trích quỹ chung của Công ty không còn quỹ tiền thưởng của người quản lý</p> |
| <p>Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>3. Các thành viên Ban Kiểm soát được nhận tiền thưởng từ quỹ tiền thưởng của người quản lý do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Mức thưởng cho Trưởng Ban và từng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định.</p> | <p>Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>3. Các thành viên Ban Kiểm soát được nhận tiền thưởng theo Quy chế Thưởng của Công ty. Mức tiền thưởng của Trưởng Ban và từng thành viên Ban Kiểm soát tạm chi trong năm do Hội đồng quản trị phê duyệt và sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất thông qua.</p> | <p>Theo Khung trích quỹ chung của Công ty không còn quỹ tiền thưởng của người quản lý</p> |
| <p>Điều 47. Phân phối lợi nhuận</p> <p>.....</p> <p>7. Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi đã bù đắp các khoản lỗ của các năm trước (nếu có), bao gồm: quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động, quỹ thưởng của người quản lý, quỹ công tác xã hội cộng đồng, quỹ thưởng cho các cá nhân, đơn vị hữu quan và quỹ khác nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> | <p>Điều 47. Phân phối lợi nhuận</p> <p>.....</p> <p>7. Sau khi bù đắp khoản lỗ của các năm trước (nếu có), Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế bao gồm: Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quỹ thưởng cho các cá nhân, đơn vị hữu quan; Quỹ công tác xã hội cộng đồng.</p> | <p>Theo Khung trích quỹ chung của Công ty</p> |



Số: 06 /TTr-HĐQT

Trần Biên, ngày 10 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.

Nhằm đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

(Phụ lục điều chỉnh đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BGĐ Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

E:\HIỆN\HĐQT\ĐHCD\2026

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thị Hồng

PHỤ LỤC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
(đính kèm Tờ trình số .../ĐK../TTr-HĐQT ngày .../3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty)

| Nội dung Điều lệ hiện tại | Nội dung điều chỉnh, bổ sung | Giải trình |
|---|--|--|
| <p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;</p> <p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> | <p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019 QH14 ngày 26/11/2019 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;</p> <p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;</p> | <p>Cập nhật các căn cứ Luật, Nghị định mới</p> |
| <p>Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>I.....</p> <p>.....</p> <p>d) Thay mặt Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động, quyết định bổ nhiệm đối với Ban Giám đốc, Kế toán trưởng/Cộng tác viên Kế toán Công ty, Chánh/Phó Chánh Văn phòng HĐQT Công ty; ký hợp đồng ủy quyền đại diện phần vốn góp của Công ty với người đại diện phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác;</p> <p>đ) Được chủ động thay mặt Hội đồng quản trị ký hồ sơ, giải quyết các công việc và báo cáo kết quả với Hội đồng quản trị trong phiên họp gần nhất:</p> <p>- Ký các quyết định:</p> <p>+</p> <p>.....</p> | <p>Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>I.....</p> <p>.....</p> <p>d) Thay mặt Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động, quyết định bổ nhiệm đối với Ban Giám đốc, Kế toán trưởng/Phụ trách Kế toán Công ty, Chánh/Phó Chánh Văn phòng HĐQT Công ty; ký hợp đồng ủy quyền đại diện phần vốn góp của Công ty với người đại diện phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác;</p> <p>đ) Được chủ động thay mặt Hội đồng quản trị ký hồ sơ, giải quyết các công việc và báo cáo kết quả với Hội đồng quản trị trong phiên họp gần nhất:</p> <p>- Ký các quyết định:</p> <p>+</p> <p>.....</p> <p>+ Quyết định giao Kế hoạch hàng năm cho nhóm người Đại diện phần vốn Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết.</p> | <p>Bổ sung các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT Công ty.</p> |



| <p>Nội dung Điều lệ hiện tại</p> | <p>Nội dung điều chỉnh, bổ sung</p> | <p>Giải trình</p> |
|--|---|--------------------------|
| <p>- Ký các văn bản chấp thuận chủ trương theo Tờ trình, văn bản xin ý kiến của Giám đốc Công ty liên quan đến người lao động thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc Công ty:</p> <p>+ Phê duyệt kế hoạch điều động, luân chuyển cán bộ, người lao động hàng năm;</p> <p>+ Thông qua danh sách quy hoạch, rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý cấp Công ty, danh sách giới thiệu đại diện phần vốn của Công ty.</p> <p>Ký các văn bản chấp thuận chủ trương theo Tờ trình, văn bản xin ý kiến của Trường nhóm đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết liên quan đến kế hoạch sử dụng lao động, phương án xác định quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng của người quản lý, người lao động tại Công ty con, Công ty liên kết;</p> <p>.....</p> <p>4. Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, phối hợp cùng Ban Giám đốc Công ty và các phòng ban liên quan trong việc thực hiện rà soát, xem xét thông qua hồ sơ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên của các Công ty con, Công ty liên kết.</p> | <p>- Ký các văn bản chấp thuận chủ trương theo Tờ trình, văn bản xin ý kiến của Giám đốc Công ty:</p> <p>+ Phê duyệt các chủ trương liên quan đến công tác cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc Công ty.</p> <p>+ Phê duyệt kế hoạch điều động, luân chuyển cán bộ, người lao động hàng năm;</p> <p>+ Phê duyệt danh sách quy hoạch, rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo Công ty; Thông qua danh sách quy hoạch, rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý cấp Công ty, danh sách giới thiệu cán bộ quy hoạch là người đại diện phần vốn của Công ty.</p> <p>Ký các văn bản chấp thuận chủ trương theo Tờ trình, văn bản xin ý kiến của Trường nhóm đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết liên quan đến kế hoạch sử dụng lao động, phương án xác định quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng của người quản lý, người lao động, danh sách quy hoạch, rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo Công ty tại Công ty con, Công ty liên kết;</p> <p>.....</p> <p>4. Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, phối hợp cùng Ban Giám đốc Công ty và các phòng ban liên quan trong việc thực hiện rà soát, xem xét thông qua kế hoạch tổ chức họp, hồ sơ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên của các Công ty con, Công ty liên kết</p> | <p>Làm rõ</p> |
| <p>Điều 8. Các tiêu ban giúp việc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập hoặc giải thể các tiêu ban giúp việc Hội đồng quản trị. Cán bộ của các tiêu ban này có thể do Hội đồng quản trị cử cán bộ Công ty kiêm nhiệm hoặc thuê chuyên gia nếu thấy cần thiết.</p> <p>2. Các tiêu ban làm việc theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> | <p>Điều 8. Cơ quan giúp việc của Hội đồng quản trị</p> <p>Cơ quan giúp việc cho Hội đồng quản trị gồm Văn phòng Hội đồng quản trị và các tiêu ban do Hội đồng quản trị thành lập.</p> <p>1. Văn phòng Hội đồng quản trị là cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị, có chức năng trợ lý, thư ký, tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo thẩm quyền. Văn phòng Hội đồng quản trị bao gồm Chánh Văn</p> | |

| Nội dung Điều lệ hiện tại | Nội dung điều chỉnh, bổ sung | Giải trình |
|---------------------------|--|------------|
| | <p>phòng, Phó chánh Văn phòng, Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty và các nhân viên.</p> <p>2. Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập hoặc giải thể các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị. Cán bộ của các tiểu ban này có thể do Hội đồng quản trị cử cán bộ Công ty kiêm nhiệm hoặc thuê chuyên gia nếu thấy cần thiết.</p> <p>3. Các tiểu ban làm việc theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có quyền thành lập các cơ quan giúp việc khác được thể hiện thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị.</p> | |



Số: 07 /TTr-HĐQT

Trần Biên, ngày 10 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị
của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.

Nhằm cập nhật các căn cứ văn bản pháp lý theo pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua việc cập nhật bổ sung một số nội dung căn cứ tại Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.

(Phụ lục điều chỉnh đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BGĐ Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu: VT, VPHĐQT.

E:\HIỆN\HĐQT\ĐHCD\2026

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
CHỦ TỊCH**



Phạm Thị Hồng



SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHỤ LỤC
(đính kèm là trình số ...07../TTr-HDQT ngày ...01../3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty)

| Nội dung Điều lệ hiện tại | Nội dung điều chỉnh, bổ sung | Giải trình |
|--|---|--|
| <p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;</p> <p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> | <p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019 QH14 ngày 26/11/2019 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;</p> <p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;</p> | <p>Cập nhật các căn cứ Luật, Nghị định mới</p> |

Số: 08 /TTr-HĐQT

Trần Biên, ngày 10 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.

Nhằm cập nhật các căn cứ văn bản pháp lý theo pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua việc cập nhật bổ sung một số nội dung căn cứ tại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty.

(Phụ lục điều chỉnh đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BGĐ Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

E:\HIỆN\HĐQT\ĐHCD\2026

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thị Hồng



PHỤ LỤC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
(đính kèm Tô trình số .../TTr-HĐQT ngày .../3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty)

| Nội dung Điều lệ hiện tại | Nội dung điều chỉnh, bổ sung | Giải trình |
|--|---|--|
| <p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;</p> <p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> | <p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019 QH14 ngày 26/11/2019 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;</p> <p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;</p> | <p>Cập nhật các căn cứ Luật, Nghị định mới</p> |

BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
- Tên viết tắt: Dowaco
- Địa chỉ trụ sở chính: số 48, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.
- Giấy ĐKKD: số 3600259296 đăng ký thay đổi lần 12 ngày 10/10/2025.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM HỌP

- Thời gian: vào lúc **08 giờ 30 phút**, ngày **31/3/2026** (thứ Ba).
- Địa điểm: tại Hội trường Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.

III. THÀNH PHẦN THAM DỰ

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty;
- Cổ đông/đại diện cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai chốt đến ngày 02/3/2026 theo danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp.

IV. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CỦA BUỔI HỌP

1. Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp lệ và điều kiện tiến hành họp

Đại hội đã nghe Ông Lâm Lê Hoàng Nam thay mặt Ban Tổ chức Đại hội báo cáo về kết quả kiểm tra tính hợp lệ và điều kiện cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty như sau:

- Tổng số cổ đông và đại diện nhóm cổ đông được mời dự họp: 694 cổ đông theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 02/3/2026 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp.
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông được mời tham dự họp: 120.000.000 cổ phần, tương ứng 120.000.000 phiếu biểu quyết.
- Tại thời điểm khai mạc Đại hội có cổ đông và đại diện cổ đông được ủy quyền tham dự họp, đại diện cho % tổng số phiếu biểu quyết.
- Căn cứ quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty và Điều 145 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, buổi họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai có đủ điều kiện để tiến hành theo quy định.

2. Chủ tọa Đại hội

- Bà Phạm Thị Hồng - Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Ông Trần Văn Nguyên - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty.

3. Thư ký Đại hội

Chủ tọa Đại hội cử Thư ký tại Đại hội:

- Ông Nguyễn Ngọc Hiền - Người phụ trách quản trị Công ty

4. Ban Kiểm phiếu

Chủ tọa đề cử danh sách nhân sự để bầu Ban Kiểm phiếu trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua, gồm:

- | | |
|-----------------------------|--------------|
| - Bà Nguyễn Thị Minh Phương | - Trưởng ban |
| - Ông Trần Hoàng Anh Phương | - Thành viên |
| - Ông Hoàng Đức Thịnh | - Thành viên |
| - Ông Nguyễn Đăng Thắng | - Thành viên |
| - Ông Phạm Ngọc Nhân | - Thành viên |

Đại hội đã biểu quyết danh sách nhân sự Ban Kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kết quả kiểm phiếu như sau:

Phương thức biểu quyết: Giơ Thẻ biểu quyết

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí% thông qua danh sách nhân sự Ban Kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội

Ông Võ Văn Bình - Thành viên HĐQT Công ty trình bày Quy chế làm việc của Đại hội.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của Đại hội. Kết quả kiểm phiếu như sau:

Phương thức biểu quyết: Giơ Thẻ biểu quyết

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí 100% thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.

6. Thông qua chương trình Đại hội

Ông Võ Văn Bình - Thành viên HĐQT Công ty thông qua Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đã biểu quyết thông qua Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kết quả kiểm phiếu như sau:

Phương thức biểu quyết: Giơ Thẻ biểu quyết

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí 100% thông qua Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Các Báo cáo và Tờ trình của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trình Đại hội

Chủ tọa Đại hội đã phân công các thành viên tham gia điều hành đại hội trình bày các nội dung Báo cáo và Tờ trình của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty trước Đại hội như sau:

- Bà Phạm Thị Hồng - Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày Báo cáo số 20/BC-HĐQT

ngày 10/3/2026 của Hội đồng quản trị về về tình hình quản trị; kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025; Phương hướng hoạt động năm 2026;

- Ông Trần Văn Nguyên - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo số 21/BC-HĐQT ngày 10/3/2026 của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động SXKD năm 2025; Kế hoạch SXKD năm 2026;

- Ông Trần Văn Nguyên - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty trình bày Tờ trình số 02/TTr-HĐQT ngày 10/3/2026 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025;

- Bà Lê Thị Ngọc Sáu - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty trình bày Báo cáo số 01/BC-CN-BKS ngày 09/3/2026 của Ban Kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD của Công ty năm 2025;

- Ông Nguyễn Văn Thiện - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày Tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 10/3/2026 của Hội đồng quản trị về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chi trả cổ tức năm 2025; Kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chi trả cổ tức năm 2026;

- Ông Nguyễn Công Hiếu - Thành viên HĐQT Công ty trình bày Tờ trình số 04/TTr-HĐQT ngày 10/3/2026 của Hội đồng quản trị về quyết toán quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025; Ngân sách hoạt động, kế hoạch chi trả tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS chuyên trách, thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2026;

- Bà Lê Thị Ngọc Sáu - Trưởng Ban Kiểm soát Công ty trình bày Tờ trình số 02./TTr-BKS ngày 10/3/2026 của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;

- Ông Phạm Anh Tuấn - Thành viên HĐQT Công ty trình bày các nội dung Tờ trình số 05/TTr-HĐQT ngày 10/3/2026 về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Tờ trình số 06/TTr-HĐQT ngày 10/3/2026 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty; Tờ trình số 07/TTr-HĐQT ngày 10/3/2026 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 10/3/2026 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty.

8. Thảo luận về các nội dung Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội

Sau khi được nghe các nội dung Báo cáo và Tờ trình của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty theo nội dung chương trình đã được Đại hội đồng cổ thông qua. Chủ tọa Đại hội tiến hành lấy ý kiến thảo luận của các cổ đông tham dự Đại hội.

Các cổ đông không có ý kiến góp ý thêm đối với các Báo cáo, Tờ trình do HĐQT, BKS Công ty trình trước Đại hội.

9. Chủ tọa Đại hội tiến hành lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông đối với các nội dung Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội

10. Ban Kiểm phiếu thu Phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu

11. Bà Nguyễn Thị Minh Phương - Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết:

11.1. Báo cáo số 20/BC-HĐQT ngày 10/3/2026 của Hội đồng quản trị về về tình hình quản trị; kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025; Phương hướng hoạt động năm 2026.

*** Kết quả biểu quyết:**

Phương thức biểu quyết: Giơ Thẻ biểu quyết và biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Nội dung này đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

11.2. Báo cáo số 21/BC-HĐQT ngày 10/3/2026 của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động SXKD năm 2025; Kế hoạch SXKD năm 2026.

*** Kết quả biểu quyết:**

Phương thức biểu quyết: Giơ Thẻ biểu quyết và biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết.

Tổng số tờ phiếu hợp lệ: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp, trong đó:

- Tổng số tờ phiếu tán thành: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Tổng số tờ phiếu không tán thành: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

- Tổng số tờ phiếu không có ý kiến: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Tổng số tờ phiếu không hợp lệ: phiếu, đại diện cho: phiếu biểu quyết, chiếm% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Nội dung này đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

11.3. Tờ trình số 02/TTr-HĐQT ngày 10/3/2026 của HĐQT thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025

*** Kết quả biểu quyết:**

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/BB-ĐHĐCĐ 2026 ngày 31/3/2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo số 20/BC-HĐQT ngày 10/3/2026 của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị; kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025; Phương hướng hoạt động năm 2026.
2. Thông qua Báo cáo số 21/BC-HĐQT ngày 10/3/2026 của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động SXKD năm 2025; Kế hoạch SXKD năm 2026:

2.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

| Stt | Các chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch 2025 | Thực hiện 2025 | Tỷ lệ % so KH |
|-----|-----------------------------------|----------------|---------------|----------------|---------------|
| 1 | Sản lượng nước | | | | |
| | - Sản lượng nước sản xuất | m ³ | 145.863.000 | 142.910.354 | 98,0 |
| | - Sản lượng nước ghi thu | m ³ | 124.000.000 | 120.102.044 | 96,9 |
| 2 | Tỷ lệ thất thoát bình quân | % | 15 | 16,0 | 1,0 |
| 3 | Tổng doanh thu (Loại CLTG) | Tr.đồng | 1.190.000 | 1.174.524 | 98,7 |
| | - Doanh thu nước | Tr.đồng | 1.130.000 | 1.091.578 | 96,6 |
| | - Doanh thu xây lắp | Tr.đồng | 24.900 | 28.426 | 114,2 |
| | - Doanh thu HĐTC (Loại CLTG) | Tr.đồng | 25.000 | 43.599 | 174,4 |
| | - Doanh thu nước Doriv | Tr.đồng | 4.100 | 4.155 | 101,3 |
| | - Doanh thu khác | Tr.đồng | 6.000 | 6.766 | 112,8 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 300.000 | 300.896 | |
| | - Lợi nhuận từ hoạt động SXKD | Tr.đồng | 300.000 | 322.242 | 107,4 |
| | - Lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá | Tr.đồng | - | -21.346 | |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | 270.000 | 271.449 | |
| | - Lợi nhuận từ hoạt động SXKD | Tr.đồng | 270.000 | 290.660 | 107,7 |
| | - Lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá | Tr.đồng | - | -19.211 | |
| 6 | Các khoản phải nộp NS | Tr.đồng | 120.000 | 122.391 | 101,9 |
| 7 | Đầu tư xây dựng cơ bản | Tr.đồng | 497.000 | 202.738 | 40,8 |

2.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

| Stt | Nội dung | Đvt | KH năm 2026 |
|----------|---|-------------|--------------------------|
| 1 | Doanh thu | Đồng | 1.182.600.000.000 |
| | - Doanh thu nước | Đồng | 1.125.760.000.000 |
| | - Doanh thu xây lắp | Đồng | 20.000.000.000 |
| | - Doanh thu HĐTC | Đồng | 26.740.000.000 |
| | - Doanh thu Doriv + khác | Đồng | 10.100.000.000 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Đồng | 310.700.000.000 |
| | - Lợi nhuận trước thuế (chưa tính CLTG) | Đồng | 310.700.000.000 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 279.630.000.000 |
| | - Lợi nhuận sau thuế (chưa tính CLTG) | Đồng | 279.630.000.000 |
| 4 | Các khoản nộp Ngân sách | Đồng | 120.000.000.000 |
| 5 | Xây dựng cơ bản | Đồng | 428.000.000.000 |

3. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.

4. Thông qua Báo cáo số 01/BC-CN-BKS ngày 10/3/2026 của Ban Kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD của Công ty năm 2025.

5. Thông qua Tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 10/3/2026 của Hội đồng quản trị về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chi trả cổ tức năm 2025; Kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chi trả cổ tức năm 2026 như sau:

5.1. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2025:

Đơn vị tính: đồng

| Stt | Chỉ tiêu | Số tiền |
|----------|--|--------------------------|
| 1 | Vốn điều lệ | 1.200.000.000.000 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 (BCTC): | 271.449.235.496 |
| 3 | Tổng lợi nhuận được phân phối | 279.337.295.360 |
| 3.1 | - Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 | 271.449.235.496 |
| 3.2 | Lợi nhuận CLTG đã thực hiện trả nợ kết chuyển sang | 7.888.059.864 |
| 4 | Trích lập các quỹ | 114.591.044.000 |
| 4.1 | - Quỹ đầu tư phát triển (30%) | 83.801.189.000 |
| 4.2 | - Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10,0225%) | 27.996.482.000 |
| 4.3 | - Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%) | 2.793.373.000 |
| 5 | Lợi nhuận còn lại sau trích lập các quỹ (5)=(3)-(4) | 164.746.251.360 |
| 6 | Lợi nhuận còn lại các năm trước chuyển sang | 66.805.135.818 |
| 7 | Tổng lợi nhuận còn lại | 231.551.387.178 |
| 8 | Tỉ lệ chia cổ tức/VĐL | 15% |
| | - Số tiền chia cổ tức | 180.000.000.000 |
| 9 | Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2026 | 51.551.387.178 |

(*) Ủy quyền cho HĐQT tổ chức việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2025.

5.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2026:
Đơn vị tính: đồng

| Stt | Chi tiêu | Số tiền |
|-----|--|-------------------|
| 1 | Vốn điều lệ | 1.200.000.000.000 |
| 2 | Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN : | 279.630.000.000 |
| 3 | Trích lập các quỹ | 112.899.000.000 |
| 3.1 | - Quỹ đầu tư phát triển (30%) | 83.889.000.000 |
| 3.2 | - Quỹ khen thưởng, phúc lợi (9,3744%) | 26.213.700.000 |
| 3.3 | - Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%) | 2.796.300.000 |
| 4 | Lợi nhuận còn lại năm 2026 sau trích lập các quỹ | 166.731.000.000 |
| 5 | Lợi nhuận còn lại năm trước chuyển sang | 51.551.387.178 |
| 6 | Tổng lợi nhuận còn lại năm 2026 | 218.282.387.178 |
| 7 | Tỉ lệ chia cổ tức/VĐL (dự kiến) | 14% |
| | - Số tiền chia cổ tức | 168.000.000.000 |
| 8 | Tổng lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau | 50.282.387.178 |

6. Tờ trình số 04/TTr-HĐQT ngày 10/3/2026 của Hội đồng quản trị về quyết toán quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025; Ngân sách hoạt động, kế hoạch chi trả tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS chuyên trách, thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2026 như sau:

6.1. Quyết toán Quỹ tiền lương, thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025:

- Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách: 2.584.000.000 đồng

- Thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách: 1.535.000.0000 đồng

6.2. Ngân sách hoạt động, kế hoạch chi trả tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2026:

6.2.1. Ngân sách hoạt động (không bao gồm chi phí tiền lương, thù lao).

a) Ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị : 750.000.000 đồng

b) Ngân sách hoạt động của Ban Kiểm soát : 300.000.000 đồng

6.2.2. Kế hoạch chi trả tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2026

a) Quỹ thù lao kế hoạch của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách: 1.392.000.000 đồng.

b) Mức tạm chi hàng tháng:

| Stt | Nội dung | Số lượng | Mức tạm chi hàng tháng (đồng/người/tháng) |
|----------|--|----------|--|
| 1 | Tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS chuyên trách (*) | | |
| a | Chủ tịch HĐQT | 1 | 70.400.000 |
| b | Trưởng Ban Kiểm soát | 1 | 48.400.000 |
| 2 | Thù lao của TV.HĐQT, BKS không chuyên trách | | |
| a | Thành viên HĐQT | 6 | 8.000.000 |
| b | Thành viên Ban Kiểm soát | 2 | 5.000.000 |

Tiền lương và thù lao thực hiện năm 2026 của HĐQT và Ban Kiểm soát sẽ được quyết toán theo các quy định hiện hành và kết quả SXKD năm 2026 của Công ty.

7. Thông qua Tờ trình Tờ trình số 02/TTr-BKS ngày 10/3/2026 của Ban Kiểm soát về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán trong danh sách dưới đây để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
- Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO

8. Thông qua Tờ trình số 05/TTr-HĐQT ngày 10/3/2026 của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

9. Thông qua Tờ trình số 06/TTr-HĐQT ngày 10/3/2026 của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

10. Thông qua Tờ trình số 07/TTr-HĐQT ngày 10/3/2026 của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

11. Thông qua Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 10/3/2026 của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có trách nhiệm theo dõi, giám sát và chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty thực hiện đúng các nội dung của Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 31/3/2026.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty và các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2026
CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- UBCKNN, SGDCK Hà Nội;
- Tổng Công ty Sonadezi;
- HĐQT, BGĐ Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu: VT, VPHĐQT.

E/HIENHĐQT/DHCD/2026

Phạm Thị Hồng



**HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Mã Cổ đông:.....

Họ và tên cổ đông:.....

Tổng số lượng cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu:.....cổ phần.

| Nội dung biểu quyết | | Tán thành | Không tán thành | Không ý kiến |
|---------------------|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Nội dung 1: | Báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị; kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025; Phương hướng hoạt động năm 2026 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 2: | Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025; Kế hoạch SXKD năm 2026 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 3: | Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 4: | Báo cáo của Ban Kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động SXKD của Công ty năm 2025 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 5: | Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chi trả cổ tức năm 2025 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 6: | Kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chi trả cổ tức năm 2026 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 7: | Quyết toán quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 8: | Ngân sách hoạt động, kế hoạch chi trả tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS chuyên trách, thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách năm 2026 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 9: | Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 10: | Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 11: | Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 12: | Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| Nội dung 13: | Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Hướng dẫn:

Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) vào **MỘT** trong các phương án: “**Tán thành**”, “**Không tán thành**”, “**Không có ý kiến**” cho từng nội dung biểu quyết.

Trần Biên, ngày.....tháng 3 năm 2026

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....